

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn (2010-2020) trên địa bàn thành phố Uông Bí.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2010-2020

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội chung của thành phố

Thành phố Uông Bí là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, cách thành phố Hạ Long 45 km về phía Tây, phía Bắc giáp huyện Sơn Động (tỉnh Bắc Giang), phía Nam giáp huyện Thủy Nguyên (thành phố Hải Phòng), phía Đông giáp huyện Hoành Bồ và thị xã Quảng Yên, phía Tây giáp thị xã Đông Triều. Thành phố Uông Bí có 11 đơn vị hành chính (09 phường, 02 xã) với tổng diện tích tự nhiên 25.630,77 ha; dân số trên 18 vạn người (bao gồm các dân số thường trú là 119.660 người và dân số quy đổi).

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân năm 2018 là 13,5%, thu ngân sách thành phố trong 06 năm liên tục đều đạt trên 2.400 tỷ đồng (riêng năm 2018 thu ngân sách trên địa bàn đạt 3.183,316 tỷ đồng = 107% kế hoạch Tỉnh giao. Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 ước đạt 150,75 triệu đồng.

Năm 2011, thực hiện việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, thành phố Uông Bí có 02 xã Điện Công và Thượng Yên Công (bình quân các xã đạt trung bình 09 tiêu chí, 24 chỉ tiêu - theo Bộ tiêu chí 491). Tháng 01/2015, 02/02 xã của Thành phố được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Hiện nay, thành phố đang triển khai xây dựng khu dân cư thôn nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới nâng cao theo các văn bản chỉ đạo của Tỉnh. Bộ mặt nông thôn đã có những chuyển biến rõ nét, ngày càng khang trang sạch đẹp, dần tạo chuyển biến trong nhận thức người dân trong việc ăn ở sinh hoạt, giữ gìn vệ sinh môi trường, phát triển kinh tế, sản xuất...

2. Khái quát đặc điểm tự nhiên và kinh tế, xã hội 02 xã thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới:

2.1. Xã Điện Công: Xã Điện Công nằm ở phía Đông Nam của thành phố Uông Bí cách trung tâm thành phố 08 km. Diện tích tự nhiên 1.193,16 ha có vị trí địa lý như sau: Phía Bắc và phía Tây giáp phường Quang Trung; phía Đông giáp xã Đông Mai và xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên; phía Nam giáp thành phố Hải Phòng. Tổng số hộ dân trên địa bàn xã có: 518 hộ; 1.916 nhân khẩu.

Xã Điện Công nằm cách không xa các khu trung tâm kinh tế lớn là thành phố Uông Bí và thành phố Hải Phòng, đồng thời có điều kiện thuận lợi về đất

đại đã tạo cho Điện Công một tiềm lực trong đẩy nhanh phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, thu hút vốn đầu tư của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài. Điện Công là một trong những địa bàn quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố Uông Bí.

Lợi thế của xã phát triển ngành Nông, Lâm, Thủy sản, Dịch vụ, Thương mại. Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 đạt 45 triệu đồng/người. Tỷ lệ hộ nghèo tại thời điểm đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015 là 1,42%, đến tháng 12/2017 theo chuẩn mới giảm còn 1,02%, cuối năm 2018 giảm còn 0,17%.

2.2. Xã Thượng Yên Công: Thượng Yên Công là xã miền núi thuộc thành phố Uông Bí. Có diện tích tự nhiên 6.739,66 ha. Địa hình tương đối phức tạp chủ yếu là đồi núi. Phía Đông giáp với phường Vàng Danh, phía Nam giáp với phường Quang Trung, Thanh Sơn, Phường Đông thành phố Uông Bí, Phía Tây giáp với xã Trảng Lương, huyện Đông Triều. Phía Bắc là dãy núi Yên Tử và Bảo Đài giáp huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Tổng số hộ dân trên địa bàn xã 1.422 hộ; 5.585 nhân khẩu, 09 dân tộc anh em (*Kinh, Dao, Tày, Hoa, Mường, Sán Dìu, Sán Chay, Nùng, Thái*), trong đó người dân tộc thiểu số chiếm trên 58% dân số toàn xã.

Trên địa bàn xã có Di tích danh thắng Yên Tử là Di tích đặc biệt cấp Quốc gia, là Trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh của Tỉnh và Thành phố, hàng năm đón hàng triệu lượt du khách đến dự lễ hội, tham quan, du lịch; ngoài ra địa bàn xã còn có khai trường sản xuất, chế biến vận chuyển than của 03 Công ty thuộc Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam; Công ty cổ phần phát triển Tùng Lâm; Công ty TNHH Tiên Lâm. Với lợi thế đó trong những năm qua nhìn chung cơ cấu kinh tế địa phương tiếp tục có sự thay đổi tích cực theo hướng từ "Nâu sang Xanh". Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân được đầu tư xây dựng có hiệu quả, đời sống nhân dân các dân tộc trên địa bàn được cải thiện, an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 là 41,3 triệu đồng/người. Tỷ lệ hộ nghèo tại thời điểm đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015 là 2,79%, đến tháng 12/2017 theo chuẩn mới giảm còn 1,54%, cuối năm 2018 giảm còn 0,88%.

3. Những thuận lợi

(1) Thành phố Uông Bí nằm trong vùng tam giác động lực phát triển miền Bắc là Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, do đó rất thuận tiện cho việc thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tinh thần, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và nhân dân các xã khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

(2) Về kết cấu hạ tầng: Thành phố tổ chức thực hiện tốt "Chương trình kiên cố hóa trường học", "Chương trình kiên cố hóa kênh mương", "Đầu tư nâng cấp hệ thống điện, đường giao thông, hệ thống kênh mương thủy lợi nội

đồng, cơ sở vật chất văn hóa... cơ bản hoàn thiện, 100% xã đạt chuẩn về y tế xã, phường;

Thành phố đã thực hiện hoàn thành chương trình xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo.

(3) Về giáo dục: Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở; các Trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, phường phát huy hiệu quả.

(4) Các xã đều có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và chuyển dịch lao động nông thôn: Xã Thượng Yên Công là nơi có Khu du lịch tâm linh Yên Tử, có lợi thế lớn trong phát triển du lịch sinh thái và tâm linh, hàng năm đón khoảng gần 03 triệu khách hành hương về thăm Yên Tử. Xã Điền Công có tiềm năng lớn về nuôi trồng thủy sản (diện tích 500 ha đầm nuôi trồng thủy sản).

(5) Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, thành phố Uông Bí luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của Trung ương; Sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, cụ thể, sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh. Đặc biệt, với hệ thống cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh về khuyến khích phát triển sản xuất; chính sách khuyến khích đầu tư, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, chính sách hỗ trợ nguyên vật liệu để xây dựng đường giao thông nông thôn, đường nội đồng, chính sách để lại 100% nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất cho các xã thực hiện nông thôn mới... đã trở thành động lực và nguồn lực to lớn khích lệ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân thành phố triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

4. Những khó khăn, thách thức

(1) Một số cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn chậm ban hành, nhất là cơ chế hỗ trợ sản xuất tập trung; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn; hướng dẫn tiêu chí nông thôn mới như: lập quy hoạch, cơ sở vật chất văn hóa...

(2) Nhân dân các xã đã có chuyển biến tích cực từ nhận thức tới hành động song vẫn còn một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước.

(3) Trong sản xuất nông nghiệp, giá cả thị trường có nhiều biến động, nhất là xăng, dầu, phân bón, thức ăn chăn nuôi...; mặt khác, do điều kiện thời tiết, dịch bệnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân.

(4) Do đặc thù khu vực nông thôn của Thành phố nằm trong vùng kinh tế tổng hợp, đa dạng ngành nghề, thu nhập theo hướng nông nghiệp thấp, không bền vững nên người dân chưa thực sự tâm huyết với sản xuất nông nghiệp. Những kết quả đã đạt được trong phong trào xây dựng Nông thôn mới vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với điều kiện, tiềm năng thế mạnh của địa phương;

việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có thời điểm còn thụ động, lúng túng; tập quán canh tác, cách thức sản xuất của nông dân còn nhỏ lẻ, phân tán.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2010-2020.

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

(1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thực hiện Chương trình nông thôn mới: Ban chấp hành Đảng bộ Thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí) đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/12/2010 về việc xây dựng nông thôn mới thị xã Uông Bí; Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 17/12/2010 của Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Uông Bí. Thị ủy Uông Bí đã có Quyết định số 88-QĐ/TU ngày 24/12/2010 của BCH Đảng bộ về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới Thị xã do đồng chí Bí thư Thị ủy làm Trưởng Ban, thành phần Ban chỉ đạo là lãnh đạo của hầu hết các tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị Thị xã (gồm 28 thành viên). Ủy ban nhân dân Thị xã đã có Quyết định số 4896/QĐ-UBND ngày 26/12/2010 về việc thành lập Ban xây dựng nông thôn mới Thị xã gồm 16 đồng chí do đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thị xã làm Trưởng Ban; thực hiện Quyết định số 1996 của Thủ tướng Chính phủ, trong giai đoạn 2015 - 2020 UBND Thành phố thành lập Văn phòng điều phối Nông thôn mới Thành phố, kiện toàn lại theo nội dung tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ gồm: Chánh Văn phòng điều phối là một đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố, Phó Chánh Văn phòng là đồng chí Trưởng phòng Kinh tế và các đồng chí là công chức chuyên trách và công chức kiêm nhiệm của các phòng, ban chuyên môn. Các thành viên Ban Chỉ đạo, Ban xây dựng nông thôn mới, Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới hoạt động kiêm nhiệm, triển khai nhiệm vụ chuyên môn của ngành mình từ cấp Thành phố đến cơ sở.

Tại 2 xã Điền Công và Thượng Yên Công thành lập Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã và Ban phát triển thôn tại các thôn, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

(2) Ban chỉ đạo phân công các đồng chí thành viên là Thường vụ cấp ủy các cấp (cấp thành phố và xã) phụ trách địa bàn nắm bắt toàn diện các vấn đề phát triển kinh tế, xã hội để chỉ đạo, nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn, huy động nguồn lực hỗ trợ cho Chương trình tại các địa phương. Thành lập các tổ công tác, giao việc các phòng, ban chuyên môn của Thành phố phụ trách các lĩnh vực của bộ tiêu chí và xây dựng kế hoạch thực hiện từng chỉ tiêu, tiêu chí.

(3) Các hoạt động đánh giá, tổng kết công tác điều hành chỉ đạo được thực hiện thường xuyên, theo nhiều hình thức: Giai đoạn đầu thực hiện phương châm thay đổi tư duy cán bộ thực hiện Chương trình theo phương thức “Cầm tay chỉ việc”; giai đoạn tiếp theo thực hiện theo phương châm phân quyền cho cấp dưới (phân cấp cho cấp xã chủ động sử dụng nguồn lực), Thành phố tổ chức các hội nghị tọa đàm ở cấp xã nhằm giải đáp khó khăn vướng mắc. Kịp thời khen thưởng,

nhân rộng mô hình; Khi xuất hiện cá nhân, tổ chức điển hình trong xây dựng nông thôn mới kịp thời tuyên dương, khen thưởng nhằm động viên, nhân rộng điển hình.

2. Hệ thống hành lang pháp lý thực hiện Chương trình sớm được ban hành đồng bộ:

UBND Thị xã đã ban hành hệ thống các văn bản quản lý Chương trình: Phê duyệt Đề án nông thôn mới của thị xã Uông Bí (nay là thành phố); xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015, tầm nhìn 2020; phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Điện Công, xã Thượng Yên Công căn cứ vào từng giai đoạn cho phù hợp với mục tiêu của Chương trình.

Tập trung thực hiện có hiệu quả: Cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn; hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn, hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà văn hóa, dồn điền đổi thửa, thu gom rác thải; chính sách hỗ trợ lãi vay tín dụng phục vụ phát triển sản xuất; chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp...

3. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức trong xây dựng nông thôn mới:

Xác định rõ muốn xây dựng nông thôn mới thành công việc đầu tiên phải làm là đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia, làm cho người dân hiểu rõ vai trò của mình và cộng đồng là chủ thể xây dựng nông thôn mới, lấy nội lực làm căn bản, tự giác tham gia thực hiện Chương trình;

(1) Tổ chức tọa đàm, đối thoại trực tiếp với nhân dân và cán bộ cơ sở với chủ đề “Xây dựng nông thôn mới bền vững”. Tổ chức Hội nghị tuyên dương khen thưởng các điển hình tiêu biểu trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới¹.

(2) Chỉ đạo các kênh thông tin đại chúng của thành phố: Trung tâm Truyền thông và Văn hóa Thành phố mở chuyên mục nông thôn mới hàng tuần, hàng ngày. Phối hợp với các báo, đài của Tỉnh ký các chương trình phối hợp tuyên truyền Chương trình Xây dựng Nông thôn mới. Phát hành ấn phẩm: Tờ rơi, bản tin Nông thôn mới, pano, áp phích...đến các thôn².

Hàng năm, tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm công tác phối hợp giữa UBND Thành phố với các đoàn thể chính trị xã hội của Thành phố trong việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

¹Tổ chức các Hội nghị tuyên truyền về NTM, các cuộc phát động thi đua với trên 15.000 lượt người tham dự; 02 tập thể và 04 cá nhân đã được UBND tỉnh tặng bằng khen; 15 tập thể, 54 cá nhân được UBND thành phố và UBND các xã tặng giấy khen trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới;

²Tổ chức các Hội nghị tuyên truyền các cấp về xây dựng nông thôn mới, dựng 09 cụm panô, kẻ vẽ 22 khẩu hiệu panô, 182 bản tin, 119 panô áp phích tại trụ sở xã, các điểm dân cư, nhà văn hóa thôn, phát 2.070 tờ rơi tuyên truyền chương trình xây dựng nông thôn mới đến nhân dân; tổ chức tuyên truyền trên Đài truyền thanh, phát thanh đĩa CD về nông thôn mới và phát 1.980 tờ rơi tuyên truyền chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng...

(3) Chú trọng đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới: Thành phố đã phối hợp với Ban xây dựng nông thôn mới tỉnh tổ chức 08 lớp tập huấn về chương trình xây dựng nông thôn mới, về Luật Hợp tác xã 2012, Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm với trên 1.000 lượt người tham gia; phối hợp với các sở, ngành, các cơ sở dạy nghề mở 11 lớp đào tạo nghề cho 385 lượt người tham gia tại 02 xã.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 đến thời điểm báo cáo

Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới (2011- đến tháng 6 năm 2019): **529.878,427** triệu đồng. Tổng nguồn vốn xây dựng nông thôn mới phân theo cơ cấu như sau:

a) Vốn từ nguồn ngân sách nhà nước đạt **208.852** triệu đồng, chiếm 39,6%, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 3.580 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh: 40.235 triệu đồng;
- Ngân sách thành phố: 121.887,427 triệu đồng;
- Ngân sách xã: 33.944 triệu đồng;
- Vốn lồng ghép: 12.122 triệu đồng.

b) Vốn tín dụng: **137.709** triệu đồng, chiếm 26,1 %;

c) Vốn doanh nghiệp: **85.265** triệu đồng, chiếm 16,2%;

d) Vốn nhân dân đóng góp: **95.136** triệu đồng, chiếm 18,1% (chủ yếu là ngày công lao động và quy đổi trị giá từ hàng trăm ngàn m² đất do nhân dân hiến để mở rộng đường, xây nhà văn hóa, khu vui chơi...).

Quản lý sử dụng vốn

Nguồn vốn do ngân sách nhà nước cấp trên đầu tư cho Chương trình xây dựng NTM đã được phân bổ, quản lý, sử dụng đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng mục đích, đúng đối tượng. UBND Thành phố đã chỉ đạo các xã tập trung triển khai có trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên các công trình thiết yếu phục vụ phát triển sản xuất, dân sinh như: giao thông, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa xã, thôn, công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn,..., một phần được đầu tư phát triển sản xuất. Đối với nguồn vốn của nhân dân đóng góp: Việc huy động đóng góp của nhân dân do chính người dân ở các thôn, xóm, khu dân cư tự bàn bạc, quyết định, được thực hiện đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, không quá sức dân. Nhân dân ở các thôn xóm, khu dân cư tự quyết định đầu tư các công trình theo quy hoạch và theo định hướng của chính quyền địa phương. Nhân dân trực tiếp quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn do mình đóng góp thông qua các Ban Phát triển thôn, Ban giám sát cộng đồng nên đã đảm bảo được sự đồng thuận trong nhân dân, đáp ứng được yêu cầu tiến độ và chất lượng xây dựng công trình phúc lợi ở các thôn, xóm.

4. Kết quả thực hiện Phong trào thi đua “Quảng Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2010-2020:

a. Sự tham gia tích cực của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới:

(i) Mặt trận Tổ quốc triển khai cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*, triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung phong trào thi đua *"Chung sức xây dựng nông thôn mới"*, *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*, *"Xây dựng khu dân cư 5 không"* với nhiều hoạt động thiết thực, đạt được những kết quả quan trọng. Mặt trận tổ quốc các cấp, Ban công tác Mặt trận đã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân và ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới. Phối hợp, hướng dẫn nhân dân lựa chọn những việc, những khâu ưu tiên tham gia xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng khu dân cư và của từng địa phương. Thống nhất về nhận thức và cách làm đồng thời công khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Tỉnh, Thành phố về xây dựng nông thôn mới. Vận động nhân dân phát huy vai trò chủ thể của mình trong xây dựng nông thôn mới theo phương châm *"Nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ, huy động tích cực mọi nguồn lực để xây dựng nông thôn mới"*. Thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Chính quyền. Hướng dẫn Ban công tác Mặt trận, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, Ban thanh tra nhân dân phát huy quyền giám sát đối với các dự án, nguồn vốn đầu tư có sự đóng góp của nhân dân trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Triển khai mô hình *"Thực hiện nếp sống văn minh trong tổ chức việc cưới, việc tang"*, đến nay có 101/101 Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư ký cam kết thực hiện (đã đưa các nội dung của mô hình vào hương ước, quy ước thôn), tỷ lệ hộ đã ký đạt gần 100% trên tổng số hộ dân. Trong 8 năm triển khai thực hiện, Mặt trận Tổ quốc tổ chức vận động các tổ chức, cá nhân chung tay ủng hộ tiền mặt và vật chất với tổng giá trị trên 3,5 tỷ đồng.

(ii) Hội LHPN Thành phố: đã bám sát chỉ đạo của Hội cấp trên và của Ban chấp hành đảng bộ Thành phố; Từ nhận thức sâu sắc xác định rõ trong tâm, trọng điểm lựa chọn phần việc phù hợp để phát huy tiềm năng, nội lực của hội viên phụ nữ tham gia xây dựng NTM. Xuất phát từ nhận thức đó, để hội viên phụ nữ *"đồng lòng, chung sức"* xây dựng NTM, các cấp Hội đã có rất nhiều nỗ lực, khắc phục khó khăn, cụ thể hóa các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ Tỉnh Và Nghị quyết Đại Hội Đảng bộ Thành phố. Với đội ngũ cán bộ Hội tâm huyết, trách nhiệm, chủ động, không ngừng sáng tạo đổi mới để lựa chọn hoạt động phù hợp với nguyện vọng mong muốn của hội viên phụ nữ, trong 8 năm qua, tổng nguồn lực huy động trong hội viên phụ nữ tham gia xây dựng nông thôn mới ở thành phố Uông Bí là vô cùng to lớn, ngoài hiến đất làm đường, tham gia dồn điền đổi thửa, góp ngày công vật tư vào các công trình hạ tầng ở các xã, phường, Hội LHPN huyện đã vận động Hội LHPN các xã, phường tập trung công tác bảo vệ môi trường; vận động hội viên phụ nữ tiết kiệm mua BHYT; giúp phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo, đã đạt kết quả quan trọng góp phần thực hiện các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới. Phát

động mỗi chi hội đảm nhận ít nhất 01 tuyến đường sạch, đẹp. Hàng tuần Hội đã chỉ đạo cơ sở vận động hội viên ra quân làm vệ sinh môi trường đường làng, ngõ xóm, tích cực tham gia phong trào ngày chủ nhật xanh do Thành phố phát động. Hội LHPN Thành phố đã hỗ trợ một số giống hoa, chỉ đạo, hướng dẫn các xã, phường trồng hoa ven đường khu dân cư và các trục đường giao thông liên xã, liên huyện; Phát động hội viên phụ nữ toàn Thành phố tham gia cuộc thi “101 cách làm hay, sáng tạo của phụ nữ Quảng Ninh tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội LHPN tỉnh phát động. Kết quả đó đã tác động mạnh mẽ tới ý thức của mỗi hội viên phụ nữ và nhân dân trong việc tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới trên quê hương mình một cách tự giác tiến tới tự nguyện đóng góp, tự nguyện thực hiện. Từ nguồn lực huy động trong cán bộ, hội viên, Hội LHPN thành phố đã hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển kinh tế tại 02 xã Điền Công và Thượng Yên Công; Phối hợp Quỹ khuyến khích phụ nữ phát triển thực hiện dự án lắp đặt đường ống nước sạch cho 30 hộ dân thôn Đồng Chanh xã Thượng Yên Công với vốn hỗ trợ là 350 triệu đồng; Hỗ trợ xây dựng 10 nhà tiêu hợp vệ sinh cho hộ phụ nữ nghèo xã Thượng Yên Công trị giá: 57,5 triệu đồng; tặng hàng ngàn xuất quà cho phụ nữ nghèo nhân dịp Tết đến xuân về.

Tiếp tục phát động và thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua gắn với triển khai các nhiệm vụ công tác trọng tâm của Hội và đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*”; tuyên truyền, vận động các cấp hội và hội viên tham gia xây dựng NTM bền vững và phát triển.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc vận động phụ nữ phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, giúp nhau giảm nghèo bền vững bằng các việc làm cụ thể, thiết thực như tuyên truyền, vận động hội viên “*Làm theo lời Bác thực hành tiết kiệm*”; vận động, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp phát triển kinh tế, tham gia bảo vệ môi trường; Rèn luyện phẩm chất đạo đức phụ nữ thời kỳ CNH - HĐH đất nước “Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang” xây dựng gia đình hạnh phúc, gia đình văn hóa, ... góp phần xây dựng thành phố Uông Bí ngày một giàu đẹp, văn minh.

(iii) Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Uông Bí đã tổ chức hội nghị chuyên đề về Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới với hơn 300 đoàn viên tham gia. Tổ chức nhiều đợt ra quân làm vệ sinh môi trường, phối hợp làm đường dân sinh tại 02 xã Điền Công và Thượng Yên Công; Hỗ trợ 990 ngày công để xây dựng 52 nhà tiêu hợp vệ sinh xã Thượng Yên Công trị giá 99 triệu đồng và thực hiện một số mô hình kinh tế thanh niên ở 02 xã; ủng hộ trên 1.000 quyển sách cho học sinh nghèo; 600 đầu sách cho các nhà văn hóa...

(iv) Trong những năm qua, Hội Nông dân Thành phố đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đến đông đảo cán bộ, hội viên, nông dân về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn

mới; để nông dân thấy được vai trò chủ thể của mình trong tham gia xây dựng quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới; trong tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn; trong đổi mới hình thức tổ chức sản xuất; trong xây dựng và giữ gìn đời sống văn hóa - xã hội, môi trường ở nông thôn. Hội Nông dân Thành phố đã chỉ đạo 101/101 chi hội thực hiện tốt công tác thu gom bao bì, thuốc bảo vệ thực vật, vệ sinh môi trường đồng ruộng. Thực hiện tốt công tác phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội Thành phố nhận ủy thác cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn. Phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển kinh tế. Phát động hội viên, nông dân tích cực tham gia phong trào *"Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"*. Hàng năm, các cấp Hội thành phố Uông Bí đã phối hợp với phòng Kinh tế, Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp Thành phố... và trực tiếp tổ chức hàng trăm buổi tập huấn về khoa học kỹ thuật và công nghệ mới cho hội viên, nông dân. Hội tích cực vận động nông dân tham gia thực hiện phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới"* cùng với các phong trào xây dựng *"Thôn, khu văn hóa"*, *"Gia đình văn hóa"*. Phát động và bình xét hộ gia đình nông dân đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Trong quá trình tham gia xây dựng nông thôn mới, Hội Nông dân các cấp thành phố Uông Bí đã thường xuyên tổ chức sơ, tổng kết phong trào, đánh giá rút kinh nghiệm. Đồng thời tổ chức nhân rộng các mô hình, cách làm hay, sáng tạo gắn với biểu dương các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Từ các hoạt động thiết thực của Hội, các cấp Hội thành phố Uông Bí đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của cơ sở Hội, của cán bộ, hội viên, nông dân, tạo sự đồng thuận của nhân dân về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, qua đó tạo sức lan tỏa trong cộng đồng dân cư. Thông qua hoạt động của Hội, góp phần củng cố hệ thống chính trị đầy mạnh xây dựng nông thôn mới, phát huy sức mạnh tập thể; góp phần củng cố, nâng cao hoạt động của tổ chức Hội, vai trò của tổ chức Hội được nâng lên; đội ngũ cán bộ Hội từ Thành phố tới cơ sở được trưởng thành hơn. Hội tích cực tham gia đóng góp, góp ý xây dựng chính quyền địa phương hoạt động có hiệu lực, hiệu quả hơn.

(v) Liên đoàn Lao động thành lập các tổ tuyên truyền Chương trình xây dựng nông thôn mới cho đoàn viên công đoàn toàn thành phố; vận động các cụm công đoàn hỗ trợ 200 triệu đồng cho 05 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn xây dựng nhà ở; hỗ trợ trang thiết bị cho 02 nhà văn hóa ... Vận động công đoàn viên và nhân dân trên địa bàn 02 xã tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

(vi) Hội Cựu chiến binh Thành phố: Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước tiếp sau Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương (khóa

X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ngay từ những ngày đầu triển khai thực hiện Chương trình, Hội CCB thành phố Uông Bí đã nghiêm túc nghiên cứu, quán triệt các văn bản hướng dẫn của Trung ương Hội CCB Việt Nam, của Đảng đoàn, Thường trực Hội CCB tỉnh Quảng Ninh về chủ trương, biện pháp, lộ trình tham gia xây dựng NTM; xác định đây là nội dung công tác lớn, là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của các cấp Hội Cựu chiến binh trong tỉnh. Triển khai phát động phong trào “Hội CCB huyện chung sức xây dựng NTM” với 100% gia đình hội viên CCB đăng ký thực hiện.

Từ hoạt động thực tiễn tham gia xây dựng Nông thôn mới, nhiều cán bộ, hội viên CCB trong huyện đã phát huy tinh thần trung thực, trách nhiệm, có uy tín cao trong cộng đồng dân cư, được cấp ủy, chính quyền tin nhiệm bầu vào ban chỉ đạo xây dựng NTM của Thành phố và các xã. Trong 9 năm tham gia xây dựng NTM, cán bộ hội viên CCB Thành phố đã tự nguyện hiến hàng trăm ngàn m² đất để mở đường giao thông nông thôn, xây dựng nhà văn hóa, khu vui chơi...

Bước sang giai đoạn về đích xây dựng NTM (2016 - 2020) Hội CCB Thành phố tiếp tục phát huy vai trò của tổ chức chính trị xã hội, cùng với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Phát huy hiệu quả từ phong trào “Cựu chiến binh chung sức xây dựng nông thôn mới”, đẩy mạnh phong trào CCB tham gia giữ gìn an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ở cơ sở...

b. Phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” được đẩy mạnh thành cao trào thể hiện qua các Chương trình cụ thể:

- Phong trào thi đua “*Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới*” là biểu hiện cụ thể, sinh động của mối tình quân dân; Thành phố đã phát động ra quân thực hiện phong trào thi đua “*Lực lượng vũ trang Thành phố và các đơn vị Quân đội đóng quân trên địa bàn chung sức xây dựng nông thôn mới*” tại xã Diên Công và Thượng Yên Công. Huy động lực lượng của đơn vị và lực lượng của các đơn vị vũ trang trên địa bàn hỗ trợ trên 1.000 ngày công xây dựng đường giao thông với giá trị trên 200 triệu đồng; phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố và 02 xã xây dựng 180 nhà tiêu hợp vệ sinh cho nhân dân và xây dựng nhà ở cho hộ nghèo.

- Phong trào “*Thành thị giúp đỡ nông thôn*” bằng những công trình cụ thể đã tiếp thêm sức mạnh xây dựng nông thôn mới, là hành động cụ thể để miền núi gần hơn với miền xuôi, nông thôn gần hơn với thành thị. Thành phố Uông Bí đã hỗ trợ huyện Hoàn Bò và huyện Ba Chẽ trong quá trình xây dựng nông thôn mới với tổng kinh phí là 04 tỷ đồng để làm đường giao thông, xây nhà văn hóa và trường học.

- Phong trào “*Công nông liên minh trong xây dựng nông thôn mới*” đẩy mạnh liên kết đầu tư trong sản xuất, cung ứng và tiêu thụ hàng nông sản, tạo đầu ra ổn định thông qua ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa các bên.

- Phong trào "*Nông dân tự lực sáng tạo trong xây dựng nông thôn mới*", "*Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi*" đã khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần sáng tạo vươn lên trong lao động, đồng thời phát động nhân dân tích cực thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, xây dựng tổ chức hội ngày càng vững mạnh.

- Phong trào "*Doanh nghiệp đồng hành xây dựng nông thôn mới*" được thực hiện thông qua việc hỗ trợ vốn xây dựng kết cấu hạ tầng, mở rộng sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nông thôn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn; cam kết bán vật liệu theo phương thức trả chậm; hỗ trợ trực tiếp các công trình hạ tầng nông thôn theo phương thức "Chìa khóa trao tay".

- Đoàn Thanh niên tổ chức phong trào "*Thanh niên Quảng Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới*"; "*Phong trào thấp sáng làng quê*". Hội Phụ nữ thành phố với phong trào "*Xây dựng gia đình 5 không - 3 sạch*", "*Ngày Chủ nhật xanh*", "*Phụ nữ làm kinh tế giỏi*", mô hình "*Tổ phụ nữ thu gom rác thải*".

5. Kết quả xử lý nợ đọng XD cơ bản trong thực hiện Chương trình

Thành phố Uông Bí không để nợ đọng trong triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

6. Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

Trong quá trình triển khai thực hiện, các phòng, ban chuyên môn thường xuyên kiểm tra, giám sát việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn xây dựng nông thôn mới. Cơ quan Thường trực Chương trình (phòng Kinh tế) phối hợp với các phòng, ban hàng năm kiểm tra việc thực hiện của các địa phương. Ngoài ra, các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Chương trình theo kế hoạch công tác quý: Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Thanh tra Tỉnh, Ban Xây dựng nông thôn mới, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Thanh tra thành phố,...

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình

- Tổng số xã trên địa bàn thành phố: 02 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 02 xã (theo Quyết định số: 223/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh).
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 2/2 xã đạt 100%.
- Đến thời điểm hiện nay 2/2 xã đã đạt 19/20 tiêu chí căn cứ theo Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020.
- Thu nhập bình quân khu vực nông thôn năm 2018: 42,3 triệu đồng/người.
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều tính đến cuối năm 2018: 0,46%.
- Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên: 97,5%.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: đạt 92,1% (6908/7.501 người) tăng 26,5% so với năm 2010 (4.272/6.890 người = 62%).
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch theo qui định: 100% nước hợp vệ sinh (Trong đó, tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hiện đạt

85% = 1.650 hộ (Trong đó xã Điện Công 498 hộ = 94%. Thượng yên Công 1161 hộ = 82%).

- Kết quả thực hiện xã Nông thôn mới nâng cao:

Xã Điện Công đạt 5/8 tiêu chí, còn 3 tiêu chí gồm 3 chỉ tiêu chưa đạt là: chỉ tiêu số 1.4 thuộc tiêu chí phát triển sản xuất; chỉ tiêu số 3.4 thuộc tiêu chí hạ tầng; chỉ tiêu số 8.1 thuộc tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

Xã Thượng Yên Công đạt 5/8 tiêu chí, còn 3 tiêu chí gồm 3 chỉ tiêu chưa đạt là: chỉ tiêu số 3.4 thuộc tiêu chí hạ tầng; chỉ tiêu số 5.2 thuộc tiêu chí môi trường; chỉ tiêu số 8.1 thuộc tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Kết quả thực hiện nâng cao chất lượng bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ:

Tại thời điểm lập đề án xây dựng nông thôn mới năm 2011, thực trạng đánh giá các tiêu chí theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới :

- Xã Điện Công: Có 10/19 tiêu chí đạt là: Điện, Trường học, Hộ nghèo, Y tế, Hệ thống chính trị xã hội, An ninh trật tự xã hội, Giao thông, Thuỷ lợi, Giáo dục, Văn hoá. Còn lại 09/19 tiêu chí chưa đạt là: Quy hoạch, Cơ sở vật chất văn hoá, Chợ, Bưu điện, Nhà ở dân cư nông thôn, Thu nhập, Cơ cấu lao động, Hình thức tổ chức sản xuất, Môi trường.

- Xã Thượng Yên Công: Có 10/19 tiêu chí đạt là: Thuỷ lợi, Điện, Trường học, Hộ nghèo, Y tế, Hệ thống chính trị, An ninh trật tự xã hội, Văn hoá. Còn lại 09/19 tiêu chí chưa đạt là: Quy hoạch, Giao thông, Cơ sở vật chất văn hoá, Chợ, Bưu điện, Nhà ở dân cư nông thôn, Giáo dục, Thu nhập, Cơ cấu lao động, Hình thức tổ chức sản xuất, Môi trường.

Sau 5 năm thực hiện giai đoạn 2011-2015 đã hoàn thành 19/19 tiêu chí theo Quyết định số 491, giai đoạn 2016-2020 thực hiện nâng chất các tiêu chí theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

a. Về Quy hoạch

Thành phố Uông Bí đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Uông Bí đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 và phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài năm 2050 tại Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 14/4/2016. Xác định công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch đóng vai trò then chốt, là cơ sở để thực hiện nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội, ngay từ khi bắt đầu triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, Ban chỉ đạo thành phố lựa chọn các đơn vị tư vấn phối hợp với UBND các xã tổ chức rà soát, bổ sung, lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới của từng xã.

Năm 2011, Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới của 02/02 xã đã được UBND Thị xã (nay là Thành phố) phê duyệt; UBND Thị xã đã ban hành quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch làm cơ sở để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện. UBND các xã đã tổ chức hội nghị công khai quy hoạch và công

bổ rộng rãi nội dung quy hoạch tới các tầng lớp nhân dân, đồng thời niêm yết bản đồ quy hoạch nông thôn mới tại các nhà văn hóa thôn của các xã, làm các panô công bố quy hoạch, cắm mốc quy hoạch chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy định được duyệt.

Thực hiện từ năm 2011, đến năm 2016 Quy hoạch chung xây dựng tại 02 xã đã có rất nhiều biến động; Do đó, Thành phố đã chủ động điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới cấp xã, theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phân khu chức năng trong giai đoạn mới gắn với Quy hoạch vùng sản xuất tập trung các sản phẩm chủ lực, lợi thế của địa phương và của Tỉnh.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

b. Về Hạ tầng kinh tế - xã hội

(1) Về Giao thông:

Trong những năm qua, hệ thống đường giao thông nông thôn của các xã trên địa bàn thành phố thường xuyên được đầu tư nâng cấp, cải tạo theo quy hoạch bằng cơ chế chính sách hỗ trợ theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” và đạt được kết quả sau:

- Đường trục xã, liên xã: Tổng chiều dài 16,2 km, tỷ lệ đường bê tông, nhựa hóa đạt 100%.
- Đường trục thôn: Tổng chiều dài 11,44 km, tỷ lệ đường bê tông đạt 100%.
- Đường ngõ xóm: Tổng chiều dài 16,06 km, tỷ lệ đường sạch, không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%.
- Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 14,03 km, tỷ lệ được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận lợi đạt 100%.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(2) Về Thủy lợi:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động trên 90% diện tích đất nông nghiệp của các xã, tạo điều kiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đáp ứng tốt yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chủ động trong sản xuất, giảm nhẹ thiên tai. Tại 02 xã hiện có 05 đập dâng, 03 trạm bơm điện hoạt động ổn định. Tổng chiều dài kênh mương do xã quản lý cần được kiên cố hóa là 37,5 km trong đó đã được kiên cố hóa 35,8 km, đạt 96,7%.

- Hàng năm, các xã đã kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; xây dựng phương án PCTT và TKCN theo phương châm “bốn tại chỗ” Công tác phòng chống thiên tai được triển khai tại các hội nghị lồng ghép của cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể; tuyên truyền trên đài truyền thanh của xã; cơ sở hạ tầng của các xã đến nay cơ bản đáp ứng yêu cầu về phòng chống thiên tai.

Nhìn chung, hàng năm tỉnh, thành phố đều quan tâm đầu tư xây dựng các công trình đầu mối để đảm bảo an toàn hồ chứa nước, bảo vệ dân cư sinh sống ở hạ lưu công trình; giữ ổn định nguồn nước để cung cấp nước tưới cho sản xuất

nông nghiệp và tạo nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân trong khu vực và từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tạo cảnh quan môi trường nông thôn.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(3) Về Điện:

Sau 08 năm nhận bàn giao quản lý lưới điện nông thôn, ngành điện đã từng bước đầu tư, cải tạo và xây dựng mới hệ thống điện. Đến nay, toàn bộ lưới điện đã được cải tạo và nâng cấp; đã đầu tư nâng cấp xây mới trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ thế theo quy hoạch và quy định của ngành điện: 02 xã (đạt 100%) có hệ thống điện đạt yêu cầu của ngành điện; 100% hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. Đặc biệt là việc đầu tư lưới điện nông thôn giai đoạn 2 của ngành điện cho các thôn cung cấp điện cho các hộ dân nhỏ lẻ, ở xa trung tâm.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(4) Về Trường học:

Toàn thành phố Uông Bí hiện có 41/41 trường học từ mầm non đến THPT được cao tầng hóa (đạt 100%); 41/41 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia (đạt 100%).

- Đối với 02 xã: Thành phố đã xây dựng thêm 01 điểm trường mầm non (tại xã Thượng Yên Công do doanh nghiệp hỗ trợ); cải tạo và nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho một số trường. Đến nay, có 7/7 trường đạt chuẩn Quốc gia (đạt 100%), trong đó có 03 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/01/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(5) Về Cơ sở - vật chất văn hóa:

Thực hiện chương trình XDNTM, giai đoạn 2011 - 2016 Thành phố đã đầu tư xây mới 04 nhà văn hóa; sửa chữa, nâng cấp 07 nhà; Nhà văn hóa và trung tâm văn hóa thể thao 02 xã được xây dựng mới đáp ứng yêu cầu hoạt động. Các xã sử dụng Hội trường HĐND-UBND xã, sân Đình làng, trụ sở cơ quan, trường học,... để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao. Các trường học, cơ quan đều đã được đầu tư xây dựng hệ thống sân bãi TDTT như: sân luyện tập bóng chuyền, sân cầu lông và các nhà luyện tập thể thao phục vụ cán bộ viên chức và học sinh.

Năm 2017 đầu tư xây mới 01 nhà văn hóa (thôn Khe Sù I xã Thượng Yên Công với tổng số vốn là 1.883 triệu đồng), năm 2018 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng; Đến nay 11/11 (đạt 100%) nhà văn hoá thôn đạt chuẩn với đầy đủ trang thiết bị đảm bảo phục vụ nhu cầu văn hóa, thể dục, thể thao, vui chơi, có diện tích phù hợp; có sân khấu, có đầy đủ bàn ghế, loa máy đáp ứng đầy đủ nhu cầu hoạt động của thôn như hội họp và các hoạt động khác. Các Nhà văn hoá đều có Ban chủ nhiệm, có quy chế, kế hoạch hoạt động; có hệ thống sổ sách được bảo quản tốt, ghi chép đầy đủ.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(6) Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

Toàn thành phố quy hoạch 10 chợ, trong đó có 02 chợ nông thôn (01 chợ hạng 3). Năm 2011 đầu tư xây dựng Chợ trung tâm xã Thượng Yên Công đạt tiêu chuẩn chợ hạng 3; năm 2016 huy động xã hội hóa, đầu tư xây dựng chợ tại xã Điền Công Với diện tích 1.050 m², với các quầy hàng thiết yếu đảm bảo phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn xã.

Ngoài ra trên địa bàn thành phố còn có các siêu thị và nhiều cửa hàng tiện lợi phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(7) Về Thông tin và truyền thông:

Hệ thống hạ tầng bưu chính, viễn thông trong những năm qua phát triển mạnh mẽ, phủ khắp đến các xã, chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân.

- Các xã đều có điểm phục vụ bưu chính viễn thông, có dịch vụ truy cập Internet, có hệ thống truyền dẫn ADSL và các cột tiếp sóng mạng di động cung cấp dịch vụ 3G, 4G đáp ứng được nhu cầu về thông tin của nhân dân; 11/11 thôn được trang bị, lắp đặt máy vi tính (do Ban Xây dựng nông thôn mới tỉnh hỗ trợ).

- Cả 2 xã đều có hệ thống đài truyền thanh không dây bắt sóng wifi với các cụm loa đặt tại 11 thôn trên địa bàn các xã. Hệ thống loa hoạt động thường xuyên phục vụ thông tin tuyên truyền phát triển kinh tế, văn hóa xã hội trên địa bàn.

- Việc phát triển mạng lưới truyền thông và ứng dụng công nghệ thông tin vào đời sống đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều hành quản lý, tạo bước thay đổi lớn trong việc giải quyết công việc chuyên môn, xử lý thông tin, giải quyết kịp thời công việc hàng ngày góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương. 100% cán bộ công chức có hộp thư công vụ và sử dụng phần mềm quản lý văn bản, điều hành tại UBND xã. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cho công dân cung cấp dịch vụ hành chính công nâng cấp mức độ 3. Hội trường, phòng họp tại UBND xã kết nối trực tuyến với Hội nghị từ Thành phố và cấp Tỉnh.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(8) Về nhà ở dân cư:

- Từ các chương trình, phong trào cụ thể như: "Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định 22/2013 của Thủ tướng", "Thi đua xây dựng đô thị văn minh, xã nông thôn mới", "Giới thiệu địa chỉ cần giúp đỡ, "Chung tay xây dựng nông thôn mới",... Từ năm 2013, trên địa bàn 02 xã không còn nhà tạm, nhà dột nát. Kết quả hỗ trợ xóa nhà tạm nhà dột nát cho các hộ khó khăn là 35 hộ trong đó được hỗ trợ xây mới 13 hộ, hỗ trợ cải tạo nhà mới 22 hộ.

- Tại 2/2 xã hiện có 1.983/1.940 nhà ở (95%), nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng niên hạn sử dụng trên 20 năm trở lên.

Phương pháp đánh giá: Theo Công văn số 117/BXD-QHKT ngày 21/01/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện tiêu chí về nhà ở nông thôn.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

c. Kinh tế và tổ chức sản xuất

(1) Về thu nhập:

Thu nhập bình quân khu vực nông thôn tăng từ 18,96 triệu đồng/người/năm (năm 2010) lên 32 triệu đồng/người/năm (năm 2013). Năm 2017, đạt trung bình 39,3 triệu đồng/người; năm 2018 đạt trung bình 42,3 triệu đồng/người, trong đó xã Điện Công 45 triệu đồng/người/năm, xã Thượng Yên Công 41,3 triệu đồng/người/năm (Theo quy định của UBND tỉnh Quảng Ninh các xã khu vực 1 thu nhập bình quân đạt 41 triệu đồng/người/năm 2018).

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(2) Về hộ nghèo

Phong trào giúp đỡ hỗ trợ hộ nghèo được quan tâm đặc biệt và mang lại hiệu quả thiết thực góp phần giảm đáng kể số hộ nghèo.

Xã Thượng Yên Công: Năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo là 9,56%, năm 2013 giảm xuống 4,22%, năm 2017 còn 1,54% (theo chuẩn mới), năm 2018 chỉ còn 07 hộ = 0,88%.

Xã Điện Công: Năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo là 8,52%, năm 2013 giảm xuống 2,11%, năm 2017 còn 1,02% (theo chuẩn mới), năm 2018 chỉ còn 01 hộ = 0,17%.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(3) Về tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên

Cơ cấu lao động trên địa bàn Thành phố có sự chuyển đổi tích cực về khu vực và ngành nghề theo hướng tăng tỷ lệ lao động trong ngành thương mại, dịch vụ, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp, nông thôn. Trong giai đoạn, đã tạo việc làm mới cho 24.800 lượt lao động, bình quân mỗi năm tạo việc làm mới cho trên 3.500 lượt lao động.

Tổng số lao động trong độ tuổi của 02 xã là 4.669 người, trong đó: lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp có 2.923 (chiếm 62,6%), ngoài thời gian làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp số lao động này còn tham gia hoạt động lao động khác như xây dựng, hợp đồng thời vụ tại các doanh nghiệp; lao động phi nông nghiệp 1.746 người (chiếm 37,4%); Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên 97,5%.

(4) Về tổ chức sản xuất

- Trên địa bàn 02 xã có 04 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, thương mại và công nghiệp hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp

tác xã năm 2012. Tình hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX hàng năm được đánh giá theo theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

+ HTX Thảo dược Yên Tử:

HTX Thảo dược Yên Tử thành lập tháng 7/2014; Số thành viên HTX: 77 người; vốn điều lệ ban đầu: 1.200 triệu đồng. Lao động duy trì thường xuyên: 16-18 người.

Hoạt động chính: Trồng cây dược liệu, sản xuất đồ uống không cồn nước khoáng, sản xuất các loại tinh dầu, dầu xoa bóp, bán buôn bán lẻ đồ uống, dịch vụ hỗ trợ và liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch...

Chỉ tiêu doanh thu năm 2017, 2018: Năm 2017 đạt 696,854 triệu đồng, năm 2018 đạt 902,916 triệu đồng.

Chỉ tiêu lợi nhuận năm 2017, 2018: Năm 2017 đạt 40,489 triệu đồng; Năm 2018 ước đạt 70 triệu đồng.

HTX thảo dược Yên Tử là đơn vị cung cấp các sản phẩm trong chương trình mỗi xã phường một sản phẩm OCOP như: Rượu ba kích Yên Tử, rượu sâm cau Yên Tử, rượu linh chi Yên Tử, tinh dầu trầu tiên Yên Tử, dầu xoa bóp trầu tiên Yên Tử, nấm linh chi Yên Tử. Trong đó sản phẩm rượu sâm cau Yên Tử đã đạt sản phẩm 4 sao trong cuộc đánh giá và phân hạng các sản phẩm OCOP.

+ HTX xuất kinh doanh và dịch vụ làng quê Yên Tử:

HTX xuất kinh doanh và dịch vụ làng quê Yên Tử thành lập tháng 2/2018; Số thành viên HTX: 7 người; vốn điều lệ ban đầu: 3.500 triệu đồng. Lao động duy trì thường xuyên: 8-10 người;

Hoạt động chính: các hoạt động trong sản xuất nông nghiệp như trồng trọt và chăn nuôi, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch, hoạt động dịch vụ hỗ trợ và liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch...

Hiện tại HTX đang trong giai đoạn đầu xây dựng phát triển, nên chưa có doanh thu và tạo ra lợi nhuận.

+ HTX du lịch dịch vụ nông thôn Thượng Yên Công:

HTX du lịch dịch vụ nông thôn Thượng Yên Công thành lập tháng 1/2019; Số thành viên HTX: 15 người; vốn điều lệ ban đầu: 3.200 triệu đồng. Lao động duy trì thường xuyên: 10 trở lên người;

Hoạt động chính: các hoạt động trong sản xuất nông nghiệp như trồng trọt và chăn nuôi, trồng cây gia vị cây dược liệu, dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu trú ngắn ngày...

+ HTX Mặt trời vàng:

HTX Mặt trời vàng thành lập tháng 5/2016; Số thành viên HTX: 7 người; vốn điều lệ ban đầu: 1.200 triệu đồng. Lao động trong hợp tác xã: 7 người;

Hoạt động chính: các hoạt động trong sản xuất nông nghiệp như trồng trọt và chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan...

Trong những năm qua HTX đang trong giai đoạn đầu xây dựng phát triển, với phương châm lấy ngắn nuôi dài, bước đầu đã có doanh thu và tạo ra lợi nhuận.

Ngoài các HTX còn có 03 tổ hợp tác dịch vụ thương mại; 12 cơ sở sản xuất dịch vụ thương mại; có 03 Hội nghề nghiệp (Hội sản xuất và kinh doanh rượu mơ Yên Tử; Hội sản xuất và kinh doanh thanh long Ông Bí; Hội Mai vàng Yên Tử). Hàng năm, các đơn vị đều sản xuất và kinh doanh có lãi, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ và hội viên phát triển sản xuất nông nghiệp tăng thêm thu nhập. Ngoài ra, trên địa bàn 02 xã hiện có có 06 trang trại doanh thu khoảng trên 10 tỷ đồng/năm; 10 gia trại chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy sản và trồng trọt; có 12 cơ sở sản xuất kinh doanh: chế biến dăm gỗ, chế biến và kinh doanh đồ mộc dân dụng, hàng năm cho thu nhập trên 12 tỷ đồng; 01 cơ sở sản xuất rượu mơ; 02 cơ sở nuôi trồng nấm Linh chi... tạo công ăn việc làm ổn định cho người dân và tăng thu nhập cho người dân khu vực nông thôn.

- Sản xuất đang chuyển dần từ nhỏ lẻ sang sản xuất quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị sản phẩm. Trong những năm qua, ngân sách thành phố đã đầu tư trên 29,7 tỷ đồng để hỗ trợ phát triển sản xuất, năm sau nguồn hỗ trợ nhiều hơn năm trước. Một số thương hiệu, sản phẩm đã trở hàng hóa: Vải chín sớm, Thanh long ruột đỏ, nước mơ muối, rượu mơ Yên Tử, dầu xoa bóp các loại...

Kết quả thực hiện Chương trình Mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP): Trên địa bàn thành phố có 08 đơn vị tổ chức đăng ký tham gia chương trình OCOP với 33 sản phẩm (phân loại thành 3 nhóm gồm: thảo dược, thực phẩm, đồ uống); Bố trí 02 điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm bán hàng OCOP tại địa phương (tại Phường Quang Trung và xã Thượng Yên Công).

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

d. Về Văn hóa - Xã hội - Môi trường

(1) Về Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục phát triển về quy mô và nâng cao chất lượng ở các bậc học, cấp học. Thành phố giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và THCS. Công tác quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo được tăng cường. Tiếp tục ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường học; quan tâm công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, các phong trào thi đua, cuộc vận động trong ngành Giáo dục được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Công tác xã hội hoá giáo dục ngày càng được chú trọng.

Đặc biệt là hệ thống trường mầm non ngoài công lập đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chất lượng cao phục vụ việc chăm sóc và giáo dục các cháu trong độ tuổi. Hệ thống trường đào tạo nghề³ thường xuyên đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường liên kết giữa nhà trường và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, đóng góp quan trọng vào nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trong và ngoài tỉnh. Tỷ lệ học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh và Quốc gia hàng năm ở thứ hạng cao trong toàn tỉnh (năm 2017, đứng thứ 3 của Tỉnh - sau thành phố Hà Long và Cẩm Phả).

- 02 xã đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ mức độ II, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ III, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ III.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở ở các xã được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt trên 90%.

- Số người lao động tại 02 xã có việc làm qua đào tạo so với số người trong độ tuổi lao động tăng 14,2%. Cụ thể: Năm 2010 là 32,5%, năm 2017 là 46,7%, năm 2018 là 50,8% (2.245/4.419).

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/01/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(2) Về Y tế

- Đối với 02 xã, tỷ lệ người dân tham gia BHYT⁴ năm 2018 đạt 92,1% (6908/7.501 người) tăng 26,5% so với năm 2010 (4.272/6.890 người = 62%).

- Thực hiện tốt các mục tiêu, dự án, chương trình quốc gia về Y tế, Dân số - KHHGĐ. Phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về y tế, phòng chống dịch bệnh ở người, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm. Đến nay, 100% các xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã theo chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 - 2010; và giai đoạn 2011-2020⁵.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi của 02 xã còn dưới 10 % (xã Điền Công 17/188 trẻ = 9,04%, xã Thượng Yên Công 55/523 trẻ = 10,52%).

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(3) Về Văn hóa

- Đối với 02 xã: Năm 2010, có 9/11 thôn đạt tiêu chuẩn Thôn văn hóa; Năm 2017 có 10/11 đạt Thôn văn hóa (91%); Năm 2018:10/11 thôn đạt Thôn văn hóa.

³Cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố: Trường Cao đẳng công nghiệp Quảng Ninh; Trường Cao đẳng Hữu nghị Việt Xô; trường cao đẳng xây dựng Quảng Ninh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Đào tạo nghề thành phố.

⁴ Xã Điền Công 1859/1916 người (97%), xã Thượng Yên Công 5049/5585 người(90,4%),

⁵Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh về việc công nhận 64 trạm y tế xã, phường, thị trấn trong tỉnh đạt Tiêu chí quốc gia về y tế;

Công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia xây dựng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đạt hiệu quả cao, góp phần làm thay đổi diện mạo đời sống văn hóa nông thôn. Phong trào “Toàn dân rèn luyện thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại” được triển khai rộng khắp.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(4) Về môi trường và An toàn thực phẩm:

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch: Tính hết năm 2018, kết quả điều tra Bộ chỉ số Nước sinh hoạt nông thôn⁶; tỷ lệ hộ dân 02 xã sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% (năm 2010 đạt 78,2%). Trong đó, tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hiện đạt 85% = 1.650 hộ (Trong đó xã Điện Công 498 hộ = 94%. Thượng yên Công 1161 hộ = 82%) Nhà máy nước Đồng Mây cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn xã Điện Công; nguồn nước sạch cung cấp cho nhân dân xã Thượng Yên Công được lấy tại giếng khoan số 7 Vàng Danh, các nguồn cung cấp nước sạch trên do xí nghiệp nước Uông Bí khai thác và quản lý, trực thuộc Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh.

Các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn 02 xã đều tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, thực hiện việc thu gom và xử lý chất thải đúng nơi quy định.

Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh sạch đẹp: Trên địa bàn 02 xã, công tác dọn vệ sinh môi trường được các thôn tổ chức định kỳ hàng ngày; nhiều mô hình, phong trào giữ gìn vệ sinh môi trường do các đoàn thể phát động đã thực sự đi vào nề nếp... vận động khuyến khích nhân dân trồng cây làm hàng rào, trồng cây bóng mát phù hợp, thấp sáng đèn đường các tuyến đường làng, ngõ xóm, khu vực đông dân cư cam kết đảm bảo không có rác thải, đường luôn được phát quang thông thoáng, xanh sạch, rãnh thoát nước thải sinh hoạt phải luôn được dọn dẹp, không bị ứ đọng, ngập úng vào mùa mưa.

Đối với rác thải ngoài đồng ruộng: Phòng Kinh tế, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp thành phố hướng dẫn UBND xã xây dựng bể chứa bao bì, vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật tại các vùng sản xuất với 25 điểm thu gom để hình thành vùng sản xuất an toàn và định kỳ xử lý tiêu hủy theo quy định.

Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: 2/2 xã có nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch. Trong đó trên địa bàn xã Thượng yên Công có 04 nghĩa trang, xã Điện Công có 01 nghĩa trang.

Về quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn: Hiện nay tại thành phố giao cho 02 đơn vị chịu trách nhiệm quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo quy định. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình mỗi ngày trên địa bàn 02 xã khoảng 1,5 -2 tấn/ngày, trong đó tỷ lệ thu gom đạt khoảng 95% lượng rác thải phát sinh và xử lý triệt để 100% lượng rác thải thu gom.

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Hàng năm thành phố đã triển khai công tác điều tra nước sạch và vệ

⁶Quyết định số 2570/QĐ-BNN-TCTL, ngày 22/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc “Phê duyệt điều chỉnh Bộ chỉ số đánh giá Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn hàng năm”.

sinh môi trường nông thôn. Qua điều tra, khảo sát năm 2018 trên địa bàn 02 xã tỷ lệ hộ dân có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh trên địa bàn 02 xã đạt 100% = 1940 hộ, tỷ lệ hộ dân có nhà tắm hợp vệ sinh = 1864 hộ đạt 96%, tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh = 1935 hộ đạt 94,6 % .

Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Chuồng trại chăn nuôi đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước; được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh; chất thải chăn nuôi được thu gom và xử lý; không xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh, số hộ chăn nuôi hợp vệ sinh trên địa bàn 02 xã là 443/541hộ = 81,89% năm 2018.

An toàn thực phẩm: Thành phố đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về Vệ sinh An toàn thực phẩm; từ năm 2011 đến năm 2018 số lượng cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm tổng số 160 giấy, ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm 3.777 lượt (trong các lĩnh vực y tế, công thương, nông nghiệp). Riêng đối với địa bàn 02 xã trên các hộ sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm, đều ký cam kết vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định. Phân công, gán trách nhiệm cho cán bộ chuyên trách theo dõi gồm: lĩnh vực y tế giao cho Trường trạm y tế xã; lĩnh vực Công thương và Nông nghiệp giao cho cán bộ phụ trách lĩnh vực Văn hóa - Xã hội.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

e. Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội

(1) Về Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật:

Tổ chức cơ sở đảng ở cấp xã, cấp thôn đã được nâng cao chất lượng, đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động, nâng cao vai trò hạt nhân trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

02 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định;

02 Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.

Công tác cán bộ - bồi dưỡng cán bộ luôn được thành phố quan tâm và chú trọng. Tổng số cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã tại 02 xã là 43 người. Trong đó trình độ chuyên môn: Đại học, trên đại học 36/43 người chiếm tỷ lệ 83,7 %; cao đẳng, trung cấp 07/43 người chiếm tỷ lệ 16,3 %. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 3/43 người chiếm tỷ lệ 7%, trung cấp 36/43 người chiếm 83,7%.

Về tiếp cận pháp luật: Việc thi hành Hiến pháp, pháp luật; ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ, chỉ đạo của cấp trên được các xã triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ. Thực hiện các thủ tục hành chính đúng trình tự, công khai đầy đủ, đúng thời hạn quy định, đảm bảo sự hài lòng của người dân về chất lượng, thái độ phục vụ. Các xã đều có tủ sách pháp luật cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật; triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân trên địa bàn bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, dân vận chính quyền theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI,

Chỉ thị số 16/2016/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm phát huy quyền làm chủ của người dân trong mọi lĩnh vực. Căn cứ theo kết quả đánh giá tiếp cận pháp luật năm 2018 xã Điện Công đạt 94/100 điểm; xã Thượng Yên Công đạt 92,5/100 điểm.

Về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực: Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ, hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình, đời sống xã hội luôn được chú trọng và quan tâm. Các xã đã thành lập và duy trì hoạt động Ban chỉ đạo công tác gia đình cấp xã và nhóm phòng chống bạo lực gia đình ở các thôn xóm.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

(2) Về Quốc phòng - An ninh, trật tự xã hội

Chỉ đạo thành lập và duy trì tốt hoạt động của các cụm quốc phòng - an ninh; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp thành phố và cấp cơ sở đạt kết quả tốt. Các nội dung công tác quốc phòng, quân sự địa phương, luật nghĩa vụ quân sự, luật dân quân tự vệ, luật giáo dục QP - AN, pháp lệnh dự bị động viên được triển khai thực hiện có hiệu quả. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng- an ninh có nhiều đổi mới. Công tác khám tuyển và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng: đảm bảo 100% chỉ tiêu giao quân hàng năm, công dân có ý thức chính trị tốt.

Các cấp uỷ đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, do vậy đã giữ vững địa bàn ổn định, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. An ninh trong vùng tôn giáo, vùng dân tộc, khu vực nông thôn được đảm bảo. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được triển khai tích cực, đạt hiệu quả cao, nhiều mô hình mới được đưa vào hoạt động, quý: Tổ nhân dân tự quản, mô hình tự quản về an ninh, tuần tra bảo vệ ban đêm; xây dựng lực lượng xung kích bảo đảm ANTT. Các biện pháp về bảo đảm trật tự an toàn giao thông được triển khai đồng bộ, quyết liệt. Hàng năm, 02 xã được công nhận đơn vị giữ vững an ninh trật tự.

Kết quả đánh giá: Tiêu chí theo quy định **Đạt** theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

3. Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới (theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ),

1. Về tiêu chí quy hoạch:

Thành phố Uông Bí đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Uông Bí đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 và phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài năm 2050 tại Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 14/4/2016. Xác định công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch đóng vai trò then chốt, là cơ sở để thực hiện nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội, ngay từ khi bắt đầu triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, Ban chỉ

đạo thành phố lựa chọn các đơn vị tư vấn phối hợp với UBND các xã tổ chức rà soát, bổ sung, lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới của từng xã.

Năm 2011, Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới của 02/02 xã đã được UBND thành phố phê duyệt; UBND thành phố đã ban hành quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch làm cơ sở để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện. UBND các xã đã tổ chức hội nghị công khai quy hoạch và công bố rộng rãi nội dung quy hoạch tới các tầng lớp nhân dân, đồng thời niêm yết bản đồ quy hoạch nông thôn mới tại các nhà văn hóa thôn của các xã, làm các panô công bố quy hoạch, cắm mốc quy hoạch chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy định được duyệt.

Thực hiện từ năm 2011, đến năm 2016 Quy hoạch chung xây dựng tại 02 xã đã có rất nhiều biến động; Do đó, thành phố đã chủ động điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới cấp xã, theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phân khu chức năng trong giai đoạn mới gắn với Quy hoạch vùng sản xuất tập trung các sản phẩm chủ lực, lợi thế của địa phương và của Tỉnh.

2. Về tiêu chí Giao thông

a. Giao thông đối ngoại

- Đường sắt: Hệ thống đường sắt của thành phố gồm đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng và các đường nhánh với tổng chiều dài 31,5 km.

- Đường bộ: Hệ thống giao thông đối ngoại được hình thành trên hai hệ trục đường chính Đông - Tây (quốc lộ 18 và tuyến đường từ khu vực Đông Triều qua xã Thượng Yên Công - ga Lán Thấp đi huyện Hoành Bồ) và Bắc - Nam (Độc Đỏ - Nam Mẫu và Uông Bí - Vàng Danh) với chiều dài khoảng 78 km.

- Đường thủy: Hiện tại thành phố có 2 cụm cảng chính phục vụ cho khai thác than và ngành điện bao gồm các cụm cảng: Bạch Thái Bưởi, Điền Công. Ngoài ra còn có một số bến bãi khác như bến sông Uông phục vụ cho chuyên chở vật liệu là chủ yếu. Tổng diện tích các cảng, kho, bến hiện nay là 35,8 ha.

b. Giao thông đô thị

Thành phố có 73 km đường trục đô thị; 38 km đường chuyên dùng; 65 km đường trục xã, phường và 71 km đường tổ, thôn, xóm. Nhìn chung hệ thống đường trục chuyên dùng của Thành phố có chất lượng khá tốt, đảm bảo cho nhu cầu vận chuyển than từ mỏ ra các điểm tập kết. Đến nay 100% đường trục đô thị đã được trải nhựa và bê tông hóa.

c. Giao thông công cộng

Trên địa bàn Thành phố Uông Bí hiện tại có 2 đơn vị vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và 03 tuyến xe buýt. Các tuyến xe buýt đi vào hoạt động đã đáp ứng phần nào nhu cầu đi lại của người dân, đặc biệt là thợ mỏ.

* Riêng đối với 02 xã:

- Đường trục xã, liên xã: Tổng chiều dài 16,2 km, tỷ lệ đường bê tông, nhựa hóa đạt 100%.

- Đường trục thôn: Tổng chiều dài 11,44 km, tỷ lệ đường bê tông đạt 100%.

- Đường ngõ xóm: Tổng chiều dài 16,06 km, tỷ lệ đường sạch, không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%.

- Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 14,03 km, tỷ lệ được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận lợi đạt 100%.

3. Về tiêu chí Thủy lợi

Thành phố có tổng chiều dài tuyến đê bao là 30,707 km (xã Điện Công 11,457 km; phường Phương Nam 7 km; phường Phương Đông 1 km; phường Yên Thanh 8,2 km; phường Quang Trung 3,05km; phường Trung Vương 2km); trong đó có 28,707 km đê cấp 4 và 2 km đê cấp 5 (tại phường Trung Vương). Có 28 công dưới đê làm nhiệm vụ điều tiết nước phục vụ sản xuất và tiêu úng mùa mưa bão hàng năm.

Thành phố có 4 con sông chính (sông Đá Bạc, sông Vàng Danh, sông Uông và sông Sinh) và 02 hồ (hồ Yên Trung rộng 80 ha, hồ Tân Lập rộng 1,6 ha) đảm bảo cung cấp nước cho sản xuất và phát triển du lịch sinh thái.

Trong những năm qua, thành phố đã đầu tư xây dựng các trạm bơm tưới tiêu, thực hiện tốt chương trình kiên cố hoá kênh mương. Hiện các công trình đầu tư đã phát huy hiệu quả. Hệ thống công trình thủy lợi đã từng bước được nâng cấp cải tạo đáp ứng được yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất cho các xã, phường trên địa bàn.

4. Về tiêu chí Điện đạt chuẩn

a. Trên địa bàn thành phố có 01 cụm nhiệt điện Uông Bí (Nhà máy điện Uông Bí 110 có công suất 2 x 55MW và nhà máy điện Uông Bí mở rộng 1 và 2 công suất 300 + 330MW). Cụm nhiệt điện Uông Bí không những cấp đủ điện cho thành phố mà còn truyền tải lên lưới điện quốc gia cho các huyện và thành phố của tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh khác trong khu vực.

b. Thành phố có 01 tuyến đường dây 500 KV với chiều dài 15,3 km; 02 tuyến đường dây 220 KV với chiều dài 25,3 km; có 06 tuyến đường dây 110 KV với chiều dài 93 km; có 29 km đường dây 22 kV; có 55 km đường dây 6 KV. Toàn thành phố có 521 km đường trục hạ thế, tổng số công tơ đo điện lực quản lý là 22.516 chiếc, trong đó 3 pha có 745 chiếc, còn lại là 2 pha.

c. Mạng lưới chiếu sáng của thành phố Uông Bí chủ yếu đi nối kết hợp với tuyến điện cho sinh hoạt. Đối với các trục chính của thành phố được bố trí đi ngầm, hình thức chiếu sáng dùng đèn natri cao áp 150W – 250W – 220V. Tổng chiều dài tuyến điện chiếu sáng toàn thành phố là 254,9 km trong đó tỷ lệ đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng là 100%, tỷ lệ đường ngõ hẻm được chiếu sáng là 80%. Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện là 100%;

Sau 06 năm nhận bàn giao quản lý lưới điện nông thôn, ngành điện đã từng bước đầu tư, cải tạo và xây dựng mới hệ thống điện. Đến nay, toàn bộ lưới điện đã được cải tạo và nâng cấp; đã đầu tư nâng cấp xây mới trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ thế theo quy hoạch và quy định của ngành điện: 02 xã (đạt 100%) có hệ thống điện đạt yêu cầu của ngành điện; 100% hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn

từ các nguồn. Đặc biệt là việc đầu tư lưới điện nông thôn giai đoạn 2 của ngành điện cho các thôn cung cấp điện cho các hộ dân nhỏ lẻ, ở xa trung tâm.

5. Về tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục đạt chuẩn

a. Trên địa bàn thành phố có 01 bệnh viện tuyến Trung ương, 01 Trung tâm y tế thành phố, 01 Trung tâm y tế ngành than, 11 Trạm y tế phường xã, 03 cơ sở y tế y tế doanh nghiệp ngành than, 42 cơ sở y tế của trường học các cấp, quân đội đóng trên địa bàn.

Việc cập nhật, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý sức khỏe toàn dân đạt 99,66% (Hiện nay, tỷ lệ bác sỹ trên 1 vạn dân là 22,20). Phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về y tế, phòng chống dịch bệnh ở người, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý hành nghề y, dược tư nhân. Công tác dân số - KH hóa gia đình tiếp tục được thực hiện tốt, triển khai kịp thời, hiệu quả các mô hình, Đề án nâng cao chất lượng dân số. Công tác Bảo hiểm xã hội ngày càng nâng cao chất lượng phục vụ, tiếp nhận và giải quyết chế độ chính sách cho người thụ hưởng đảm bảo đúng, đủ và kịp thời, tỷ lệ bao phủ BHYT toàn dân đạt 96% dân số.

- Đối với 02 xã, tỷ lệ người dân tham gia BHYT⁷ năm 2018 đạt 92,1% (6908/7.501 người) tăng 26,5% so với năm 2010 (4.272/6.890 người = 62%).

- Thực hiện tốt các mục tiêu, dự án, chương trình quốc gia về Y tế, Dân số - KHHGD. Phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về y tế, phòng chống dịch bệnh ở người, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm. Đến nay, 100% các xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã theo chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 - 2010; và giai đoạn 2011-2020

b. Hiện nay 101/101 khu phố, thôn có nhà văn hóa, 11/11 phường, xã có Trung tâm học tập cộng đồng, có tủ sách pháp luật; 100% các nhà trường đều có thư viện và phòng đọc thân thiện cho học sinh tham gia đọc sách giờ ra chơi. Thành lập được 01 cụm văn hóa, thể thao trong toàn thành phố. Thư viện và Nhà truyền thống Thành phố được xây dựng mới và đưa vào hoạt động từ năm 2013 đón hàng vạn lượt độc giả và khách tham quan. 100% các trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn thành phố đều có thư viện. Bên cạnh đó, đơn vị doanh nghiệp ngành than đầu tư hệ thống thư viện, nhà truyền thống hoạt động có hiệu quả; trong đó có 05 thư viện, 05 phòng truyền thống và nhà lưu niệm. Toàn thành phố có 02 điểm công trình văn hóa, vui chơi giải trí tập luyện TDTT cho nhân dân thu hút đông đảo người dân tham gia vui chơi, luyện tập; Có 02 sân vận động, 01 nhà hát khu vực miền Tây của tỉnh, 01 rạp chiếu phim, 05 khu sân tennis, có 07 sân tập luyện, thi đấu, có trên 300 sân cầu lông ngoài trời; 04 nhà thi đấu đa năng, 06 sân cỏ nhân tạo.

Năm 2011: 2/2 xã đều chưa có Nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định;

Thực hiện chương trình XDNTM, giai đoạn 2011 - 2016 Thành phố đã đầu tư xây mới 04 nhà văn hóa; sửa chữa, nâng cấp 07 nhà; Nhà văn hóa và trung tâm văn hóa thể thao 02 xã được xây dựng mới đáp ứng yêu cầu hoạt

⁷ Xã Diên Công 1859/1916 người (97%), xã Thượng Yên Công 5049/5585 người (90,4%),

động. Các xã sử dụng Hội trường HĐND-UBND xã, sân Đình làng, trụ sở cơ quan, trường học... để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao. Các trường học, cơ quan đều đã được đầu tư xây dựng hệ thống sân bãi TDTT như: sân luyện tập bóng chuyền, sân cầu lông và các nhà luyện tập thể thao phục vụ cán bộ viên chức và học sinh.

Năm 2017 đầu tư xây mới 01 nhà văn hóa (thôn Khe Sủ I xã Thượng Yên Công với tổng số vốn là 1.883 triệu đồng), năm 2018 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng; Đến nay 11/11(đạt 100%) nhà văn hoá thôn đạt chuẩn với đầy đủ trang thiết bị đảm bảo phục vụ nhu cầu văn hóa, thể dục, thể thao, vui chơi, có diện tích phù hợp; có sân khấu, có đầy đủ bàn ghế, loa máy đáp ứng đầy đủ nhu cầu hoạt động của thôn như hội họp và các hoạt động khác. Các Nhà văn hoá đều có Ban chủ nhiệm, có quy chế, kế hoạch hoạt động; có hệ thống sổ sách được bảo quản tốt, ghi chép đầy đủ.

Ngoài ra, xã Diên Công có Đình Diên Công, hàng năm tổ chức lễ hội vào dịp 14 tháng giêng âm lịch, tái hiện lại lịch sử giữ nước hào hùng của dân tộc, tổ chức các khu vui chơi giải trí, các trò chơi dân gian truyền thống. Các trường học, cơ quan đều đã được đầu tư xây dựng hệ thống sân bãi TDTT như: sân luyện tập bóng chuyền, sân cầu lông.

c. Thành phố đã có 100% số trường hệ công lập thuộc 04 cấp (từ Mầm non đến THPT) đạt chuẩn quốc gia. Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và THCS. Công tác quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo được tăng cường. Tiếp tục ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường học; quan tâm công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, các phong trào thi đua, cuộc vận động trong ngành Giáo dục được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Công tác xã hội hoá giáo dục ngày càng được chú trọng. Đặc biệt là hệ thống trường mầm non ngoài công lập đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chất lượng cao phục vụ việc chăm sóc và giáo dục các cháu trong độ tuổi. Hệ thống trường đào tạo nghề thường xuyên đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường liên kết giữa nhà trường và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, đóng góp quan trọng vào nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trong và ngoài tỉnh. Tỷ lệ học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh và Quốc gia hàng năm ở thứ hạng cao trong toàn tỉnh (năm 2017, đứng thứ 3 của Tỉnh - sau thành phố Hạ Long và Cẩm Phả).

- 02 xã đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ mức độ II, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ III, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ III.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở ở các xã được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt trên 90%.

6. Về tiêu chí sản xuất đạt chuẩn

Giai đoạn 2010-2018, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 6%/năm, đời sống các hộ nông dân ổn định, từng bước được cải thiện; năng suất lúa, cây trồng được nâng lên. Tuy nhiên, do quá trình thực hiện đô thị hoá

nhanh, do đó diện tích đất nông nghiệp giảm nhưng sản lượng lương thực hàng năm đều đạt kế hoạch. Tổng đàn gia súc gia cầm được duy trì và phát triển ổn định năm sau cao hơn năm trước. Tích cực tranh thủ các nguồn vốn đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi trọng yếu. Tăng cường công tác khuyến ngư, chuyển dần từ nuôi quảng canh sang bán thâm canh, đưa nhiều giống mới vào nuôi trồng như: tôm thẻ chân trắng, cá vược, cá đối mực... mang lại hiệu quả kinh tế cao. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Thành phố đã có 05 sản phẩm nông nghiệp được chứng nhận thương hiệu do Cục Sở hữu trí tuệ cấp. Triển khai thực hiện chương trình "*Quảng Ninh, mỗi xã, phường một sản phẩm*" (OCOP); khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình nghiên cứu sản xuất các sản phẩm nông nghiệp mới phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu. Đã đăng ký 33 sản phẩm vào chương trình OCOP của tỉnh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, nhất là hạ tầng giao thông, điện - nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, các thiết chế văn hoá... được quan tâm đầu tư, 100% tuyến đường giao thông chính của xã, phường được thảm nhựa và bê tông hoá, 100% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới.

Thành phố đã quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 4178/QĐ-UBND ngày 22/7/2015); theo đó:

(1) Quy hoạch vùng sản xuất vải chín sớm *Phượng Nam* (tại phường *Phượng Nam*)

(2) Quy hoạch vùng sản xuất thanh long ruột đỏ (tại xã *Thượng Yên Công* và các phường: *Phượng Đông, Quang Trung, Thanh Sơn, Bắc Sơn, Vàng Danh*)

(3) Quy hoạch vùng trồng mai vàng *Yên Tử* (tại xã *Thượng Yên Công* và phường *Vàng Danh*)

(4) Quy hoạch vùng trồng cây mơ lông (tại xã *Thượng Yên Công*)

(5) Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản (tại phường *Yên Thanh* và xã *Diễn Công*)

(6) Quy hoạch vùng trồng cây thông nhựa (tại xã *Thượng Yên Công* và các phường: *Phượng Đông, Quang Trung, Thanh Sơn, Bắc Sơn, Vàng Danh, Nam Khê*).

(7) Quy hoạch vùng trồng rau an toàn (tại phường *Phượng Đông* và phường *Phượng Nam*)

Sau khi có quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, từ năm 2016-2019 UBND thành phố *Uông Bí* đã chi ngân sách hỗ trợ ước đạt 20 tỷ đồng để phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực gồm:

(1) Hỗ trợ cây giống để mở rộng, phát triển diện tích, đào tạo tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật; xây dựng mới, nâng cấp mở rộng, nạo vét một số tuyến kênh tưới, tiêu thoát nước và một số tuyến đường giao thông nội đồng; thực hiện mô hình ứng dụng kỹ thuật cắt tia, bao quả vải của *Đài Loan* trong trồng, chăm sóc vùng vải chín sớm *Phượng Nam*; thực hiện Dự án sản xuất vải chín sớm *Phượng Nam* theo quy trình *Viet GAP*. Tổng giá trị hỗ trợ vùng vải chín sớm *Phượng Nam* ước đạt 10 tỷ đồng.

(2) Hỗ trợ về lĩnh vực khoa học công nghệ hoàn thiện quy trình sản xuất các dự án phát triển mở rộng vùng trồng Thanh long ruột đỏ áp dụng công nghệ trồng giàn và hệ thống tưới nhỏ giọt đồng bộ với tổng giá trị hỗ trợ ước đạt 6 tỷ đồng.

(3) Hỗ trợ bảo tồn và phát triển vùng trồng Hoa Mai vàng Yên Tử; duy trì giữ vững giá trị thương hiệu “Chỉ dẫn địa lý” đối với cây Hoa Mai vàng Yên Tử, tổng giá trị hỗ trợ ước đạt 1,0 tỷ đồng.

(4) Hỗ trợ công tác lập quy hoạch chi tiết vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại xã Điền Công và đầu tư hỗ trợ áp dụng công nghệ nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao phường Yên Thanh, tổng giá trị hỗ trợ đạt 3,0 tỷ đồng;

(5) Hỗ trợ phát triển vùng trồng Mơ lông Yên Tử làm nguyên liệu sản xuất Rượu mơ Yên Tử (sản phẩm OCOP); phát triển vùng trồng Thông nhựa Quảng Ninh tổng giá trị hỗ trợ đạt 3,0 tỷ đồng.

7. Về tiêu chí Môi trường đạt chuẩn

Trong những năm qua Thành phố đã có nhiều cố gắng trong việc quy hoạch, quan trắc và thẩm định đánh giá tác động môi trường đối với tất cả các dự án đầu tư trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, tăng độ che phủ rừng, mở rộng diện tích rừng ngập mặn, cải thiện chất lượng môi trường nước, không khí; thu gom, xử lý rác thải, nhờ đó đã giải quyết phần nào những bức xúc về ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm trong sản xuất điện, vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến, vận chuyển than, đất đá. Thông qua công tác xã hội hoá, trong những năm qua, Thành phố đã huy động được hàng chục tỷ đồng từ các doanh nghiệp phục vụ cho việc giảm thiểu tác động xấu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường sống. Xây dựng đưa vào sử dụng nhà máy xử lý rác Khe Giang- xã Thượng yên Công.

Hiện nay tại thành phố giao cho 02 đơn vị chịu trách nhiệm quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo quy định trên địa bàn toàn thành phố (Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Ưông Bí; Công ty TNHH dịch vụ thương mại Ưông Bí).

Đối với 02 xã lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình mỗi ngày khoảng 1,5 -2 tấn/ngày, trong đó tỷ lệ thu gom đạt khoảng 95% lượng rác thải phát sinh và xử lý triệt để 100% lượng rác thải thu gom.

8. Về tiêu chí An ninh, trật tự xã hội đạt chuẩn

Hàng năm, Thành ủy đều có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Thành phố tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức cảnh giác với âm mưu “diễn biến hòa bình” và các hoạt động “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa triệt phá các nhóm tội phạm và tệ nạn xã hội. Đấu tranh có hiệu quả với các tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trật tự đô thị và trật tự an toàn giao thông được đảm bảo. Triển khai thực hiện tích cực

mục tiêu 3 giảm (tội phạm hình sự, tội phạm tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông). Công tác điều tra, truy tố, xét xử cơ bản đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Trên địa bàn không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với các năm trước; không để xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài trên địa bàn Thành phố.

An ninh trong vùng tôn giáo, vùng dân tộc, khu vực nông thôn được đảm bảo. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được triển khai tích cực, đạt hiệu quả cao, nhiều mô hình mới được đưa vào hoạt động, quý: Tổ nhân dân tự quản, mô hình tự quản về an ninh, tuần tra bảo vệ ban đêm; xây dựng lực lượng xung kích bảo đảm ANTT. Các biện pháp về bảo đảm trật tự an toàn giao thông được triển khai đồng bộ, quyết liệt. Hàng năm, các phường và 02 xã được công nhận đơn vị giữ vững an ninh trật tự.

9. Về cải cách hành chính:

Thành phố xây dựng kế hoạch cải cách hành chính xác định đầy đủ cụ thể 6 nội dung cải cách hành chính: Cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính. Để nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các phường, xã tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức như qua cổng thông tin điện tử của thành phố, thường xuyên đăng tải các văn bản pháp quy, văn bản chỉ đạo điều hành công tác cải cách hành chính, tổ chức triển khai các cuộc thi viết “sáng kiến về cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh”. Công tác rà soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên liên tục, công khai minh bạch các thủ tục hành chính, phí lệ phí của từng thủ tục hành chính. Tăng cường sự tham gia của người dân nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, thực hiện tốt việc công khai để nhân dân nắm bắt kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; thực hiện tốt những việc dân được bàn liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người dân.

Hàng tháng, Trung tâm phục vụ Hành chính công Thành phố đều triển khai phát phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với cán bộ, công chức, viên chức, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm. Kết quả người dân đã hài lòng với tỷ lệ phiếu rất thuận lợi và thuận lợi tới 100%. Thông qua các ý kiến góp ý của nhân dân Trung tâm đã tiếp thu, báo cáo UBND Thành phố chỉ đạo điều chỉnh nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ hành chính tốt hơn.

10. Về tiêu chí chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

a. Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới sớm được thành lập và kiện toàn phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở; có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Ban Chỉ đạo;

Trong quá trình hoạt động, công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành việc thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố luôn đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định; đảm bảo

không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản và không huy động quá sức dân trong xây dựng nông thôn mới.

b. Văn phòng điều phối nông thôn mới Thành phố được tổ chức và hoạt động đúng quy định; có Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ; có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên;

Hàng năm, Văn phòng điều phối hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao: quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Chương trình; tổng hợp, báo cáo tình hình về thực hiện Chương trình; chuẩn bị nội dung, chương trình cho các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Ban Chỉ đạo thành phố và các báo cáo theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo;

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

Xác định xây dựng nông thôn mới là một trong các nhiệm vụ quan trọng có tính chiến lược để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Uông Bí lần thứ XIX nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của HĐND thành phố, đồng thời thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền thành phố đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt cùng với sự tham gia của MTTQVN thành phố, các tổ chức đoàn thể chính trị, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân, Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn đạt được kết quả khá toàn diện, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của thành phố.

Chương trình xây dựng nông thôn mới của thành phố thực hiện tại 02 xã (trong 11 xã, phường), cùng trong giai đoạn (2011-2013) Thành phố tập trung nội lực tiếp tục hoàn thiện lộ trình nâng cấp lên đô thị loại II, vì vậy việc thay đổi diện mạo thành phố không chỉ diễn ra ở khu vực phường trung tâm, mà lan tỏa đến cả 02 xã.

Công tác tuyên truyền được triển khai tích cực, trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân về nội dung, mục đích, ý nghĩa xây dựng nông thôn mới, tạo được sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân, từng bước nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về lợi ích trách nhiệm trong việc xây dựng nông thôn mới, tự nguyện góp công sức, trí tuệ, tiền của, hiến đất xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

Cơ sở hạ tầng được đầu tư phát triển đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh. Sản xuất nông nghiệp tăng trưởng khá, cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn chuyển biến theo hướng tích cực, sản lượng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp hàng năm đều tăng. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân ngày càng nâng cao.

Đảng ủy, HĐND, UBND, các tổ chức chính trị - xã hội tại các xã đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và vận động nhân dân; có

sự phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban chuyên môn của Thành phố trong tổ chức thực hiện; bám sát tình hình thực tế, tổ chức rút kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện xây dựng Nông thôn mới tại cơ sở; huy động mọi nguồn lực, cùng chung tay, góp sức xây dựng các chỉ tiêu, tiêu chí Nông thôn mới.

Nhân dân các xã cơ bản đã có chuyển biến tích cực từ nhận thức tới hành động, xác định nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới là trách nhiệm của mỗi người dân; người dân được hưởng lợi ích trực tiếp từ kết quả của chương trình, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân. Kết quả đến tháng 01 năm 2015, 2/2 xã đã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2015 và 2016 tiếp tục duy trì, nâng cao các tiêu chí để triển khai thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Những kết quả đã đạt được trong phong trào xây dựng Nông thôn mới vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với điều kiện, tiềm năng thế mạnh của địa phương; việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có thời điểm còn thụ động, lúng túng; tập quán canh tác, cách thức sản xuất của nông dân còn nhỏ lẻ, phân tán.

- Do đặc thù khu vực nông thôn của Thành phố nằm trong vùng kinh tế tổng hợp, đa dạng ngành nghề, thu nhập theo hướng nông nghiệp thấp nên người dân chưa thực sự tâm huyết với sản xuất nông nghiệp. Tình trạng lao động nông thôn tại các xã đi làm thuê, chưa thực sự chú trọng đến việc chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế bền vững vẫn còn xảy ra.

- Thành phố Uông Bí quán triệt và triển khai chương trình nông thôn mới trong bối cảnh là một địa phương phải tự cân đối các nguồn lực để đầu tư thực hiện các mục tiêu của Chương trình trong điều kiện nền kinh tế - xã hội đang khó khăn, ngân sách Thành phố thực hiện tự chủ theo phân cấp mới. Sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao còn ít, chưa phát triển thành vùng, việc liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế; Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được đầu tư chủ yếu bằng ngân sách Nhà nước...

*** Nguyên nhân:**

- Đại bộ phận nhân dân các xã đã có chuyển biến tích cực từ nhận thức tới hành động song vẫn còn một số người dân chưa nhận thức đầy đủ, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước.

- Giai đoạn mới triển khai Chương trình: một số cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn chậm ban hành, nhất là cơ chế hỗ trợ sản xuất tập trung; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn; hướng dẫn tiêu chí nông thôn mới như: lập quy hoạch, cơ sở vật chất văn hóa, ...; Quá trình triển khai thực hiện đồng loạt trên diện rộng, không qua làm điểm để đánh giá rút kinh nghiệm nên còn những bỡ ngỡ, lúng túng trong giai đoạn đầu.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn mặc dù đã được chú trọng đầu tư song chưa thật sự đồng bộ, nhất là hạ tầng vùng sản xuất tập trung... khả năng tham gia đầu tư, đóng góp của tổ chức, cá nhân và người dân còn hạn chế.

- Trong sản xuất nông nghiệp, giá cả thị trường có nhiều biến động, nhất là xăng, dầu, phân bón, thức ăn chăn nuôi... mặt khác, do diễn biến thời tiết bất thường, dịch bệnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân.

3. Bài học kinh nghiệm

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra thường xuyên sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể; Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện, khen thưởng động viên và kịp thời đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở. Đồng thời, phải có bộ máy giúp việc đủ năng lực, chuyên nghiệp, sát thực tế sẽ là yếu tố quan trọng đảm bảo cho công tác chỉ đạo có hiệu quả.

- Kế hoạch triển khai xây dựng nông thôn mới phải cụ thể, chi tiết, xác định rõ nguồn lực, đảm bảo tính khả thi; phân công rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân nhất là người đứng đầu của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, vai trò của Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, tinh thần gương mẫu của gia đình cán bộ, đảng viên.

- Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng phải là giải pháp quan trọng hàng đầu. Làm cho dân hiểu, dân tin, dân hưởng ứng bằng sự tham gia bàn bạc, hiến kế, đóng góp công, của và chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình là yếu tố quyết định sự thành công của Chương trình.

- Phải bám sát điều kiện thực tiễn của từng xã, nhằm lựa chọn nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, vận dụng sáng tạo lồng ghép sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ ngân sách của Nhà nước và các nguồn lực đa dạng; việc huy động, đóng góp của người dân phải được thực hiện trên cơ sở thực sự tự nguyện, bàn bạc dân chủ.

Phần thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020

I. DỰ KIẾN MỤC TIÊU PHẤN ĐÁU NĂM 2020

- Năm 2019, xây dựng 4 thôn đạt chuẩn nông thôn mới; Xây dựng nông thôn mới nâng cao ở 2 xã Điện Công và Thượng Yên Công thu nhập bình quân đầu người ước đạt 50 triệu đồng/người/năm.

- Năm 2020, xã Điện Công và Thượng Yên Công đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, tiếp tục xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu đối với xã Điện Công.

- Tập trung triển khai thực hiện chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao; tiếp tục phát triển vùng sản xuất tập trung như thanh long ruột đỏ, rau an toàn, nuôi trồng

thủy sản; phát triển kinh tế trang trại, gia trại, nâng giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác, tăng hệ số sử dụng đất.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN

(1) Thực hiện quy hoạch trong xây dựng nông thôn mới:

Thực hiện đồng bộ, không chồng lấn các quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Uông Bí đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí đến năm 2030, quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố và quy hoạch chi tiết về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 02 xã Điện Công, Thượng Yên Công; đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

(2) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

Tập trung nguồn lực để hoàn thiện hạ tầng kinh tế-xã hội vùng nông thôn theo chuẩn nông thôn mới ở tất cả các xã.

- Hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống thủy lợi nội đồng, hệ thống công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất: đến năm 2020 giữ vững kết quả đã đạt được đồng thời sửa chữa nâng cấp các hạng mục công trình trên địa bàn.

- Hệ thống công trình văn hóa thể thao (Nhà văn hóa; khu thể thao; phòng đọc sách) của xã và thôn được bảo trì tu bổ thường xuyên để phục vụ tốt cho nhân dân.

- Hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn được duy trì, phát triển theo quy hoạch, phù hợp với nhu cầu của người dân.

- Phân đầu giai đoạn 2019-2020 đưa 100% số trường học (6/6) trên địa bàn 02 xã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 (giai đoạn 2011-2018 đã đạt được 3 trường).

- Bố trí cán bộ y tế, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, đảm bảo đủ điều kiện khám, chữa bệnh cho người dân.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở.

- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh cho người dân. Phân đầu năm 2019, trên 90% dân số trên địa bàn 2 xã được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn của Bộ Y tế.

(3) Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân:

- Tập trung các giải pháp đẩy mạnh phát triển sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao; theo chuỗi giá trị “từ trang trại đến bàn ăn”. Tổ chức có hiệu quả liên kết 4 nhà (Nhà nước - Nhà doanh nghiệp - Nhà khoa học - Nhà nông). Tăng cường quản lý chất lượng nông sản, thủy sản; đảm bảo các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp đạt tiêu chí vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn. Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp nông thôn, hỗ trợ liên kết doanh nghiệp - nông dân.

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể theo Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp Quảng Ninh giai đoạn 2015 - 2020. Thành lập mới các HTX chuyên ngành, các Tổ hợp tác trong nông nghiệp; thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với các sản phẩm chủ lực của xã; đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch của địa phương.

- Tiếp tục tăng cường công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; sản xuất các sản phẩm an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Tiếp tục triển khai Chương trình OCOP giai đoạn 2017 – 2020, phấn đấu phát triển thêm 3 - 5 sản phẩm mới.

(4) Giảm nghèo và an sinh xã hội:

Thực hiện tốt các chính sách xã hội, pháp lệnh đối với các gia đình có công, luật người cao tuổi, quan tâm chăm sóc các gia đình liệt sỹ, thương bệnh binh và các đối tượng chính sách. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình kinh tế, xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; phấn đấu đến năm 2020 tại xã Điện Công không còn hộ nghèo, số hộ nghèo tại xã Thượng Yên Công giảm còn dưới 0,5%

(5) Phát triển giáo dục ở nông thôn:

- Bảo đảm cho trẻ em 5 tuổi được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 02 buổi/ngày, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1.

- Duy trì tỷ lệ phổ cập giáo dục ở các cấp học.

(6) Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn:

Tổ chức đào tạo, đào tạo chuyên môn và bồi dưỡng y đức cho đội ngũ nhân viên y tế ở các trạm y tế nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tích cực vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế (BHYT); ở mỗi xã đến hết năm 2020 phải có 100% dân số có thẻ BHYT. Giảm tỷ lệ trẻ em thấp còi.

(7) Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn:

Xây dựng, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tạo điều kiện để người dân nông thôn tham gia xây dựng đời sống văn hóa, thể thao. Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và tham gia các hoạt động thể thao của các tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em.

(8) Vệ sinh môi trường nông thôn:

Duy trì hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; xử lý rác thải sinh hoạt dựa vào cộng đồng dân cư bằng công nghệ vi sinh. Cải tạo nghĩa

trang; xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Đảm bảo chỉ tiêu bề chứa nước, nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh “3 sạch”. Khắc phục, không để tình trạng ô nhiễm môi trường xảy ra tại các cơ sở sản xuất.

(9) Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân:

Bồi dưỡng kiến thức cho 100% cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng chương trình thôn, vườn đạt chuẩn nông thôn mới; Hội Phụ nữ các cấp thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Triển khai tốt Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua “Quảng Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới”, giai đoạn 2016 - 2020. Thường xuyên giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ đáp ứng tốt nhất yêu cầu và nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 29/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng quản trị hành chính công trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Thực hiện tốt 6 trục nội dung của chỉ số PAPI. Đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

(10) Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn:

Đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn. Những vướng mắc phát sinh được giải quyết ngay từ cơ sở thông qua hòa giải, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp ở cả 02 xã.

(11) Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; triển khai hiệu quả truyền thông về xây dựng nông thôn mới:

Tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức cho cộng đồng và người dân để hiểu đầy đủ hơn về nội dung, phương pháp, cách làm nông thôn mới.

Triển khai có hiệu quả hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 1589/KH-UBND ngày 28/3/2016 của UBND tỉnh về tuyên truyền Chương trình xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020.

(12) Thực hiện nội dung xây dựng nông thôn mới nâng cao:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, quán triệt nhận thức đối với đội ngũ cán bộ (từ cấp huyện đến cấp cơ sở), người dân, cộng đồng về quan điểm, mục tiêu và cách thức triển khai xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, để làm chuyển đổi nhận thức của người dân trong xây dựng nông thôn mới, thực hiện chương trình gắn với phong trào “thôn văn hóa”, “gia đình văn hóa”.

- Bám sát chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ninh, đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 của 02 xã. Chú trọng và phát huy vai trò của người đứng đầu thôn, khu dân cư; phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng

dân cư, các tổ chức kinh tế hợp tác, doanh nghiệp trên địa bàn trong xây dựng nông thôn mới.

- Tranh thủ mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội hóa để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng chất lượng các tiêu chí về hạ tầng kinh tế- xã hội theo hướng đảm bảo sáng- xanh- sạch- đẹp, quan tâm đặc biệt đến việc chỉnh trang cảnh quan môi trường.

- Thường xuyên rà soát các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, thôn đạt chuẩn nông thôn mới, vườn đạt chuẩn nông thôn mới, hộ mẫu theo bộ các tiêu chí, để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Phần thứ ba

ĐINH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SAU NĂM 2020

I. QUAN ĐIỂM

Căn cứ kết quả xây dựng nông thôn mới đạt được trong 10 năm, chương trình xây dựng nông thôn mới sau năm 2020 tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt trong giai đoạn (2010-2020) đảm bảo thực sự nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, hướng tới hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh. Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Uông Bí chuyển từ “lượng” sang “chất”, đảm bảo thực hiện thường xuyên, lâu dài. Triển khai xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Tổ chức lại sản xuất, hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; Tăng thu nhập, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường tự nhiên, môi trường sống cho nhân dân khu vực nông thôn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nông thôn mới thành phố Uông Bí nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch; hài hòa giữa phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội ổn định.

Tập trung vào 6 nhóm nội dung thành phần chủ yếu sau:

(1) Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (giao thông, điện, nước sạch, nhà văn hóa và khu thể thao thôn,...) tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp cho cư dân nông thôn;

(2) Thực hiện phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chú trọng phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực;

(3) Bảo vệ và cải thiện môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm;

(4) Tiếp tục giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn: Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu dân cư, xã, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”; Bám sát địa bàn, kịp thời phát hiện và đấu tranh ngăn chặn những vấn đề phức tạp nổi lên về an ninh trật tự;

(5) Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí; Xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu.

(6) Tiếp tục lồng ghép nguồn lực đầu tư cho 02 xã, đồng thời các xã phải chủ động trong tính toán ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực xã hội và tổ chức tốt việc lồng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021-2025:

- Thu nhập bình quân đầu người dân cư vùng nông thôn tăng lên trên 60 triệu đồng/năm, phấn đấu đến năm 2025 tăng thu nhập lên 80 triệu đồng/người /năm.

- Phấn đấu 100% hộ dân thoát nghèo bền vững sau năm 2021.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được trong giai đoạn 2010-2020. Phấn đấu hoàn thành việc xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu đối với xã Điện Công, xã Thượng Yên Công.

b) Giai đoạn 2025-2030:

Duy trì và nâng cao các tiêu chí của xã nông thôn mới kiểu mẫu đã đạt được trong giai đoạn 2025-2030.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN

1. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực tổ chức, quản lý thực hiện cho từ cán bộ chuyên trách nông thôn mới của thành phố đến cán bộ xã, thôn. Thực hiện công tác luân chuyển cán bộ từ các phòng, ban của thành phố, thu hút trí thức về xã. (3) Phát huy dân chủ trong xây dựng nông thôn mới.

2. Xây dựng quy chế duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nông thôn theo hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, vận động nhân dân thường xuyên tổ chức duy tu, bảo dưỡng đường giao thông góp phần làm cho đường làng, ngõ xóm sang, xanh, sạch, đẹp và đảm bảo thuận tiện, phục vụ khai thác sử dụng có hiệu quả công trình được đầu tư.

3. Về bảo vệ môi trường nông thôn: Tập trung giải quyết vấn đề bức xúc về môi trường nông thôn. Vận động các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp và nhân dân trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng thôn, vườn đạt chuẩn nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu theo định hướng chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ninh.

4. Về xây dựng đời sống văn hóa nông thôn: Kêu gọi các doanh nghiệp trên địa bàn hỗ trợ các thôn mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa, khu thể thao thôn thiết thực với người dân ở các thôn, tạo điều kiện để phát triển các hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn nông thôn. Hỗ trợ phát triển hệ thống cơ sở vui chơi, giải trí cho trẻ em. Xây dựng mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự xã hội ở thôn, xóm. Xây dựng hương ước nêu cao tính tự giác, đoàn kết của cộng đồng.

5. Kiểm soát 100% các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm, dịch vụ ăn uống,... không để xảy ra ngộ độc thực phẩm.

6. Xây dựng nông thôn mới phải tiếp tục gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tập trung áp dụng khoa học kỹ thuật, nghiên cứu đưa việc áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp và chế biến các sản phẩm tham gia chương trình OCOP để nâng cao đời sống và thu nhập cho người dân.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Dự kiến tổng nhu cầu vốn để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2021-2025: 58.750 triệu đồng, tổng nguồn vốn phân theo cơ cấu như sau:

- | | |
|--------------------------|--------------------|
| - Ngân sách thành phố: | 25.000 triệu đồng; |
| - Ngân sách xã: | 25.900 triệu đồng; |
| - Vốn lồng ghép: | 4.000 triệu đồng; |
| - Vốn nhân dân đóng góp: | 3.850 triệu đồng. |

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên địa thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Ninh (b/c);
- Ban Xây dựng nông thôn mới (b/c);
- TT. Thành uỷ, TT HĐND & UBND thành phố;
- Chủ tịch, các P. Chủ tịch UBND thành phố;
- MTTQ và các đoàn thể thành phố;
- TT TT&VH, Cổng thông tin điện tử TP;
- UBND các phường, xã;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Đình Sách

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011-2019

(Kèm theo Báo cáo số 315/BC-UBND ngày 30/7/2019 của UBND TP Uông Bí)



TT	MỤC TIÊU	ĐVT	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2018	Đến 30/6/2019	ƯTH đến 31/12/2019
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã		10	19	19	19	19
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn						
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã						
	Số xã đạt 19 tiêu chí đã có Quyết định công nhận	xã	0	2	2	2	2
	Số xã đạt 18 tiêu chí	xã					
	Số xã đạt 17 tiêu chí						
		xã					
	Số xã đạt 01 tiêu chí	xã					
4	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí						
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	xã					
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	xã					
	...	xã					
	Số xã đạt tiêu chí số 20	xã	0	0	0	0	0
5	Một số chỉ tiêu cơ bản						
	Tỷ lệ nhà tạm, dột nát	%	5	0	0	0	0
	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/người/năm	Triệu đồng	18,96	32	42,3	42,3	50
	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	8,52	2,11	0,46	0,46	0,25
	Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	30	45	48,9	48,9	50
	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	55,6	86	92,1	92,1	95
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước Hợp vệ sinh, nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	%	88,5	99,4	100	100	100

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GẮN VỚI XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG NÔNG THÔN

(Kèm theo Báo cáo số 315/BC-UBND ngày 30/7/2019 của UBND TP Uông Bí)



TT	Nội dung	ĐVT	Hiện trạng năm 2011	Kết quả năm 2015	Kết quả năm 2018	Kết quả đến 6/2019	ƯTH đến hết năm 2019	So sánh 2019-2011	Ghi chú
I	CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ TRỰC TIẾP NÔNG NGHIỆP								
1	Cơ sở nghiên cứu KHKT phục vụ nông lâm ngư nghiệp	cs							
2	Cơ sở chế biến, bảo quản phục vụ nông lâm ngư	cs							
3	Công trình thủy lợi	ct							
3.1	Công trình thủy lợi vừa và nhỏ	ct	4	5	5	5	5	125	
	Trong đó: - Xây mới	ct		1					
	- Sửa chữa, nâng cấp	ct	4	2	2	2	2	50	
3.2	Công trình nước sạch	ct	0	3	3	3	3		
	Trong đó: - Xây mới	ct		1					
	- Sửa chữa, nâng cấp	ct							
3.3	Hồ chứa nước	ct	0	0	0	0	0		
	Trong đó: - Xây mới	ct							
	- Sửa chữa, nâng cấp	ct							
	- Tổng dung tích	Triệu m3							
3.4	Số Km Kênh mương	km	37,55	37,55	37,55	37,55	37,55	100	
	Trong đó: - Km kênh mương được kiên cố hóa	km	17,3	33,75	35,5	35,85	36,3	209,8266	
	- Tỷ lệ %	%	46	89,9	94,5	95,4	96,7		
3.5	Diện tích đất nông nghiệp	ha	573,8	500,22	488,61	488,61	488,61	85,15336	
	Trong đó: - Diện tích được tưới tiêu chủ động	ha	306	435	450	450	450	147,0588	
	- Tỷ lệ %	%	53,4	87	92	92	92	172,2846	
4	Tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	88,5	99,4	100	100	100	112,9944	

TT	Nội dung	ĐVT	Hiện trạng năm 2011	Kết quả năm 2015	Kết quả năm 2018	Kết quả đến 6/2019	ƯTĐ đến hết năm 2019	So sánh 2019-2011	Ghi chú
									
II	CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN THEO TIÊU CHÍ NTM								
I	Giao thông								
1.1	Đường trục xã và đường từ TT xã đến đường huyện (chỉ tiêu 2.1)	km	16,2	16,2	16,2	16,2	16,2	100	
	Trong đó: số Km được cứng hóa	km	10	16,2	16,2	16,2	16,2	162	
	- Tỷ lệ %	%	62,5					0	
1.2	Đường trục thôn (chỉ tiêu 2.2)	km	11,44	11,44	11,44	11,44	11,44	100	
	Trong đó: số km được cứng hóa	km	5,58	11,44	11,44	11,44	11,44	205,0179	
	- Tỷ lệ %	%	48,8						
1.3	Đường ngõ xóm (chỉ tiêu 2.3)	km	16,06	16,06	16,06	16,06	16,06	100	
	Trong đó: số km được cứng hóa	km	3,5	16,06	16,06	16,06	16,06	458,8571	
	- Tỷ lệ %	%	21,9						
1.4	Đường trục chính nội đồng hoặc tương đương (chỉ tiêu 2.4)	km	14,034	14,034	14,034	14,034	14,034	100	
	Trong đó: số km được cứng hóa	km	3,23	14,034	14,034	14,034	14,034	434,4892	
	- Tỷ lệ %	%	23,7					0	
2	Điện (Tỷ lệ hộ được sử dụng điện thường xuyên an toàn)	%	99,5	100	100	100	100	100,5025	
3	Trường học								
3.1	Tổng số trường học	tr	6	7	7	7	7	116,6667	
3.2	Số trường đã đạt chuẩn	tr	4	7	7	7	7	175	
4	Nhà văn hóa hoặc HT đa năng và sân thể thao xã	ct	2	2	2	2	2	100	
4.1	Xây mới	nhà							
4.2	Sửa chữa, nâng cấp	nhà	2						
5	Nhà văn hóa thôn	nhà	11	11	11	11	11	100	
5.1	Xây mới	nhà	4					0	
5.2	Sửa chữa, nâng cấp	nhà		9					
6	Chợ nông thôn								

TT	Nội dung	ĐVT	Hiện trạng năm 2011	Kết quả năm 2015	Kết quả năm 2018	Kết quả đến 6/2019	ƯTH đến hết năm 2019	So sánh 2019-2011	Ghi chú
6.1	Số lượng chợ được quy hoạch xây dựng	chợ	1	1	1	1	1	100	
6.2	Số lượng chợ hiện có	chợ	1	2	2	2	2	200	
	Trong đó: - Xây mới	chợ	1					0	
	- Sửa chữa, nâng cấp	chợ							
6.3	Số lượng chợ đạt chuẩn	chợ		1	1	1	1		
7	Xã có điểm phục vụ bưu chính	điểm	2	2	2	2	2	100	
7.1	Xây mới	điểm							
7.2	Sửa chữa, nâng cấp	điểm							
8	Số lượng công trình xử lý rác thải	ct	0	1	1	1	1		
8.1	Xây mới	ct							
8.2	Sửa chữa, nâng cấp	ct							
CSHT NÂNG CAO NĂNG LỰC PCTT VÀ TUBĐKH									
III	(Đề biên, kê sông, kê chống sạt lở, hồ điều hòa...)	ct							
1	Xây mới	ct							
	- Công trình:.....	ct							
	- Công trình:.....	ct							
2	Sửa chữa, nâng cấp	ct							
	- Công trình:.....	ct							
	- Công trình:.....	ct							

Toàn TP Ông Bí thư lý rác thải tại nhà máy xử lý Khe Giang xã Thượng Yên Công

Phụ biểu số 04 (Kèm theo báo cáo số 315/BC-UBND ngày 30/7/2019)
Đơn vị: Thành phố Uông Bí



BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM 2018

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu	Yêu cầu	Xã Điện Công	Xã Thượng Yên Công	Ghi chú
BQ tiêu chí đạt				4/8	4/8	
BQ chỉ tiêu đạt				23/27	24/27	
1	Phát triển sản xuất	1.1. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển hàng hóa chủ lực của xã, huyện, tỉnh, gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt	1	1	
		1.2. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ	Đạt	0	1	
		1.3. Có ít nhất 01 HTX thành lập theo luật HTX năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng; Có kế hoạch thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch...của địa phương	Đạt	1	1	
		1.4. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, sản phẩm OCOP được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP, đáp ứng quy định về ghi nhãn hàng hóa, tiêu chuẩn đo lường, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, công bố tiêu chuẩn theo quy định và sản tem truy xuất nguồn gốc.	Đạt	0	1	
		1.5. Thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực.	Đạt	1	1	
		1.6. Có ít nhất một mô hình tích tụ ruộng đất (thuê, liên kết, hợp tác sản xuất)	Đạt	1	1	
2	Thu nhập - Hộ nghèo	2.1. Thu nhập phải cao hơn từ 1,2 lần trở nên so với thời điểm công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt	1	1	
		2.2. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 0,5 lần trở xuống so với mức quy định đối với vùng.	Đạt	1	1	
3	Hạ tầng	3.1. Có hệ thống đảm bảo an toàn giao thông, chiếu sáng và trồng cây xanh tại các tuyến đường khu trung tâm tập trung dân cư	Đạt	1	1	
		3.2. Các công trình hạ tầng được quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp phát huy hiệu quả đầu tư.	Đạt	1	1	
		3.3. Hệ thống thủy lợi đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu toàn bộ diện tích đất sản xuất nông nghiệp tập trung của xã.	Đạt	1	1	

		3.4. Xã và các thôn có cổng trào (Thôn đạt 70%; khuyến khích trồng, tạo dáng cổng trào bằng cây xanh)	Đạt	0	0	
		3.5. Nhà văn hóa, khu thể thao thôn được xanh hóa (thôn 70%)	Đạt	1	1	
		3.6. Có tên đường, số nhà trên các tuyến chính đường liên thôn, liên xã.	Đạt	1	1	
4	Giáo dục - y tế - văn hóa	4.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3	Đạt	1	1	
		4.2. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt từ 65% trở lên	Đạt	1	1	
		4.3. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.	Đạt	1	1	
		4.4. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được bảo đảm thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương, xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động từ thiện, nhân đạo	Đạt	1	1	
		4.5. Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro, thiên tai, cơ chế chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi các thức làm ăn phù hợp.	Đạt	1	1	
5	Môi trường	5.1. Có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã	Đạt	1	1	
		5.2. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng- xanh - sạch- đẹp, giữ được bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương trên địa bàn toàn xã; có mô hình phân loại rác tại nguồn.	Đạt	1	0	
		5.3. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.	Đạt	1	1	
		5.4. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quan. 70% lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn được thu gom, xử lý theo đúng quy định.	Đạt	1	1	
6	Hệ thống chính trị	6.1. Thực hiện đầy đủ, đúng quy định 6 nội dung của thủ tục hành chính, trọng tâm là cải cách hành chính (niêm yết công khai, kịp thời, đầy đủ thủ tục hành chính; rà soát kiến nghị để đơn giản hóa thủ tục hành chính; giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân đúng quy định, đảm bảo 100% đúng hạn.	Đạt	1	1	
		6.2. Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở. Các thôn bản xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng. Cán bộ công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt	1	1	

7	An ninh trật tự	7.1. Tỷ lệ thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về ANTT" đạt 100%; nhân dân tích cực tham gia phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	1	1	
8	Thôn đạt chuẩn NTM	8.1. (1) Các xã khu vực I tối thiểu 50% số thôn trong xã đạt chuẩn nông thôn mới; (2) Các xã khu vực II, III tối thiểu có 30% số thôn trong xã đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt	0	0	

Ghi chú: 1- Đạt; 0 - Không đạt

BIỂU TÔNG HỢP KẾT QUẢ XÂY DỰNG HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
(Kèm theo Báo cáo số 315/BC-UBND ngày 30/7/2019 của UBND TP. Vũng Bì)

(Kèm theo Báo cáo số 315/BC-UBND ngày 30/7/2019 của UBND TP. Vũng Bì)

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch thực hiện đến 2020	Kết quả thực hiện (hộ)									Ghi chú
			Tổng số	Số hộ đạt chuẩn (đến năm 2018)	Số hộ đạt chuẩn (đến tháng 6 năm 2019)	Số hộ đạt chuẩn (ƯTH đến hết năm 2019)	Số hộ chưa đạt chuẩn					
							Tổng số	Chia ra các loại				
								Số hộ đạt 20-28 chỉ tiêu	Số hộ đạt 10-19 chỉ tiêu	Số hộ đạt dưới 10 chỉ tiêu		
1	Xã Diên Công	16	16	5	5	11	6	5	0			
2	Xã Thượng yên Công	23	23	8	8	14	6	7	2			
	Công	39	39	13	13	25	26	12	12	2		

Ghi chú: Theo Quyết định số 1593/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Bộ tiêu chí hệ NTM kiểu mẫu gồm 7 tiêu chí và 29 chỉ tiêu.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2019

(Kèm theo Báo cáo số 315/BC-UBND ngày 30/7/2019 của UBND TP Uông Bí)

ĐVT: Triệu đồng



STT	Nội dung	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2019					Ghi chú
			Cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019 (ước đến 30/6)	
	TỔNG SỐ	482.334,334	47.544,093	8.832,288	15.827,168	19.968,210	2.916,427	
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.580,00	0	0	0	0	0	
1	Trái phiếu Chính phủ							
2	Đầu tư phát triển	3.580,00						
3	Sự nghiệp							
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	156.673,334	39.393,093	8.832,288	12.066,168	15.578,21	2.916,427	
1	Tỉnh	37.235,00	3.000,000	3.000,000	0	0	0	
2	Huyện	105.121,269	16.766,158	0	9.789,031	4.546,70	2.430,427	
3	Xã	14.317,065	19.626,935	5.832,288	2.277,137	11.031,51	486,000	
III	VỐN LÒNG GHEP (135, đào tạo nghề, khác...)	12.122,00	0	0	0	0	0	
IV	VỐN TÍN DỤNG (*)	137.709,00	0	0	0	0	0	
V	VỐN DOANH NGHIỆP	81.507,00	3758,0	0	3495,0	263	0	
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	90.743,00	4393,00	0	266,0	4.127,0	0	

(*): Vốn tín dụng: do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các huyện, thị xã, thành phố cung cấp theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC CHƯƠNG TRÌNH MÔC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2019

(Kèm theo Báo cáo số 315/BG-UBND ngày 30/7/2019 của UBND TP Uông Bí)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn thực hiện	Vốn hỗ trợ đầu tư trực tiếp			Vốn lồng ghép	Vốn tín dụng	Vốn doanh nghiệp	Vốn dân góp
			Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã			
	Tổng vốn	47.544,093	39.393,093	3.000,000	16.766,158	19.626,935	-	3.758,000	4.393,000
1	Năm 2016	8.832,288	8.832,288	3.000,0	-	5.832,288	-	-	-
	- Xây dựng hạ tầng	8.354,136	8.354,136	3.000,0	0	5.354,136	-	-	-
	- Phát triển sản xuất								
	- Lãi suất tín dụng								
	- Kinh phí Ban chỉ đạo								
	- Quy hoạch nông thôn								
	- Đào tạo nghề								
	- Tuyên truyền, tập huấn								
	- Chương trình OCOP								
	- Hỗ trợ thành lập HTX								
	- Khác	478,152	478,2	-	-	478,152	-	-	-
2	Năm 2017	15.827,168	12.066,168	-	9.789,031	2.277,137	-	3.495,0	266,0
	- Xây dựng hạ tầng	15.198,0	11.437,031		9.789,031	1.648,0		3.495,0	266,0
	- Phát triển sản xuất	30,0	30,0			30,0			
	- Lãi suất tín dụng								
	- Kinh phí Ban chỉ đạo								
	- Quy hoạch nông thôn								
	- Đào tạo nghề								
	- Tuyên truyền, tập huấn	68,0	68,0			68,0			
	- Chương trình OCOP								
	- Hỗ trợ thành lập HTX								
	- Khác	531,137	531,137		-	531,137	-	-	-

3	Năm 2018	19.968,21	15.578,21	4.546,7	11.031,51	-	-	263,0	4.127,0
	- Xây dựng hạ tầng	14.017,6	11.726,6	3.029,1	8.697,5			-	2.291,0
	- Phát triển sản xuất	2.422,0	586,0	386,0	200,0				1.836,0
	- Lãi suất tín dụng								
	- Kinh phí Ban chỉ đạo								
	- Quy hoạch nông thôn	51,0	51,0	51,0					
	- Đào tạo nghề	133,2	133,2	133,2					
	- Tuyên truyền, tập huấn	322,4	322,4	242,4	80,0				
	- Chương trình OCOP								
	- Hỗ trợ thành lập HTX								
	- Khác	3.022,0	2.759,0	705,0	2.054,01	-	-	263,0	
3	Năm 2019 (số liệu 6 tháng)	2.916,427	2.916,427	2.430,427	486,0	-	-	-	-
	- Xây dựng hạ tầng	2.751,427	2.751,427	2.430,427	321,0				
	- Phát triển sản xuất								
	- Lãi suất tín dụng								
	- Kinh phí Ban chỉ đạo								
	- Quy hoạch nông thôn								
	- Đào tạo nghề								
	- Tuyên truyền, tập huấn								
	- Chương trình OCOP								
	- Hỗ trợ thành lập HTX								
	- Khác	165,0	165,0		165,0				

**RÁ SOÁT MỤC TIÊU ĐẦU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số 315/BC-UBND ngày 30/7/2019 của UBND TP Uông Bí)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2016-2020					Mục tiêu phần đầu đến 2025	Ghi chú
			Mục tiêu phần đầu đến 2020	Kết quả đến tháng 6 năm 2019	ƯTH hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh mục tiêu phần đầu đến 2020 (nếu có)	Lý do, căn cứ đề xuất		
1	Xã đạt chuẩn nông thôn mới								
1.1	Số xã đạt chuẩn	số xã	2	2	2	2		2	
1.2	Tỷ lệ xã đạt chuẩn	%	100	100	100	100		100	
1.3	Bình quân tiêu chí xã	tiêu chí xã	20	19	19	20		20	
2	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	số xã	2	0	0	2		2	
3	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	số xã	0	0	0	0		1	
4	Thôn đạt chuẩn nông thôn mới	số thôn	4	2	3	4		8	
5	Vườn đạt chuẩn nông thôn mới	số vườn	68	25	40	68		100	
6	Hộ gia đình nông thôn mới kiểu mẫu	số hộ	39	13	25	39		65	

DỰ KIẾN NHU CẦU HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 315/BC-UBND ngày 30/7/2019 của UBND TP. Uông Bí)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng nhu cầu vốn	Chia theo các năm					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	TỔNG SỐ	58.750	11.700	11.950	11.600	11.500	12.000	
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG		0	0	0	0	0	
1	Trái phiếu Chính phủ							
2	Đầu tư phát triển							
3	Sự nghiệp							
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	50.900	10.500	10.500	10.000	9.700	10.200	
1	Tỉnh		0	0	0	0	0	
2	Huyện	25.000	5.000	5.000	5.500	4.500	5.000	
3	Xã	25.900	5.500	5.500	4.500	5.200	5.200	
III	VỐN LÒNG GHEP (135, đào tạo nghề, khác...)	4000	500	700	800	1000	1000	
IV	VỐN TÍN DỤNG (*)							
V	VỐN DOANH NGHIỆP							
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	3850	700	750	800	800	800	Hiện đất+ góp ngày công

(*): Vốn tín dụng: do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các huyện, thị xã, thành phố cung cấp theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam